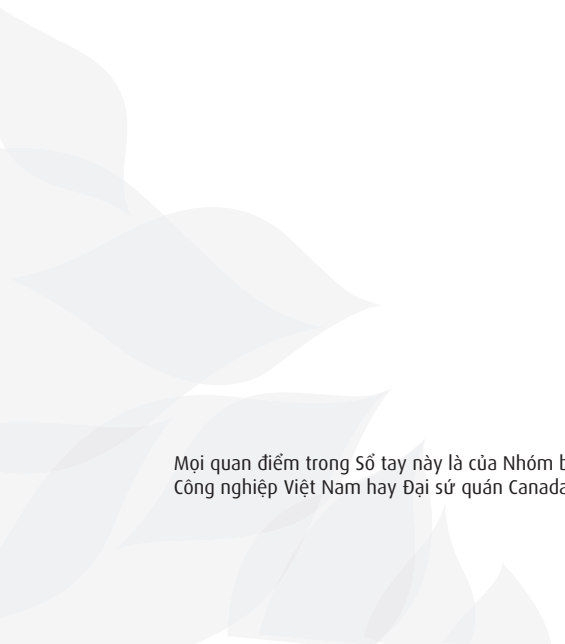


Sổ tay doanh nghiệp

TẬN DỤNG **C P T P P**
ĐỂ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA GIỮA
VIỆT NAM & CANADA



Mọi quan điểm trong Sổ tay này là của Nhóm biên soạn, không phản ánh quan điểm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hay Đại sứ quán Canada tại Việt Nam



Sổ tay doanh nghiệp

TẬN DỤNG **CPTPP**
ĐỂ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA GIỮA
VIỆT NAM & CANADA







Lời nói đầu

Là thành viên của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Việt Nam và Canada đang đứng trước cơ hội đặc biệt để tăng cường quan hệ thương mại, đầu tư song phương thông qua việc tận dụng Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đầu tiên giữa hai Bên này.

Với vị thế là nền kinh tế lớn thứ 10 về GDP, thứ 12 về xuất khẩu và thứ 13 về nhập khẩu của thế giới năm 2019, Canada đã và đang trở thành một đối tác thương mại rất tiềm năng của Việt Nam ở thị trường châu Mỹ.

Từ góc độ thương mại hàng hóa, Việt Nam có tiềm năng lớn ở nhiều sản phẩm nông lâm thủy sản và các sản phẩm công nghiệp nhẹ. Trong khi đó, Canada lại là một quốc gia công nghiệp phát triển giàu tài nguyên, có thế mạnh sản xuất và xuất khẩu nhiều nguyên nhiên liệu và các sản phẩm công nghiệp nặng. Sự bổ sung tương đối trong cơ cấu sản phẩm của Việt Nam và Canada hứa hẹn tạo ra nhiều cơ hội và giá trị gia tăng cho thương mại song phương.

Trong bối cảnh như vậy, với các cam kết cắt giảm thuế quan mạnh, các quy tắc thuận lợi hóa hải quan, hạn chế các rào cản phi thuế... CPTPP được kỳ vọng sẽ là con đường cao tốc thúc đẩy thương mại giữa Việt Nam và Canada phát triển mạnh trong thời gian tới.

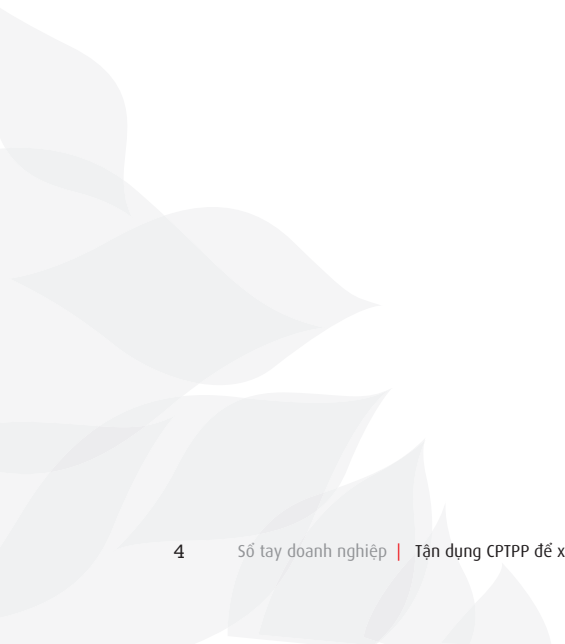
Để hỗ trợ doanh nghiệp hai Bên (i) tìm hiểu cụ thể các cam kết về hàng hóa của Việt Nam và Canada trong CPTPP, qua đó nhận diện các cơ hội cụ thể từ Hiệp định này; và (ii) có được các thông tin cốt lõi về tình hình và đặc điểm thị trường hai Bên, các quy định cơ bản về thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa của Canada và Việt Nam, từ đó hiện thực hóa các chiến lược kinh doanh của mình, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp với Đại sứ quán Canada tại Việt Nam đã tiến hành biên soạn và xuất bản **“Sổ tay doanh nghiệp - Tận dụng CPTPP để xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Canada”**.

Hy vọng Sổ tay này sẽ trở thành một tài liệu tham khảo hữu ích cho các doanh nghiệp Việt Nam và Canada trong các giao dịch thương mại giữa hai thị trường đầy tiềm năng này.

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA



Mục lục

Phần thứ nhất		
CÁC CAM KẾT CPTPP VỀ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA GIỮA VIỆT NAM VÀ CANADA		9
1	Các cam kết thuế quan của Việt Nam và Canada được nêu ở đâu trong văn kiện CPTPP?	10
2	Việt Nam có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hóa của Canada?	12
3	Canada có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hóa của Việt Nam?	18
4	Sau khi CPTPP có hiệu lực, Việt Nam và Canada có được phép cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không?	26
5	Quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP?	28
6	CPTPP bao gồm những loại Quy tắc xuất xứ nào?	30
7	Thủ tục chứng nhận xuất xứ trong CPTPP có gì đặc biệt?	32
8	CPTPP có cam kết gì về Hải quan và Thuận lợi hóa thương mại?	33
9	Cam kết CPTPP về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)?	35
10	Các cam kết CPTPP về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)?	36
11	Các cam kết CPTPP về Sở hữu trí tuệ?	38
12	Các yêu cầu của CPTPP về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ?	42
13	Các cam kết CPTPP về Phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ)?	45
Phần thứ hai		
TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ CPTPP ĐỂ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TỪ CANADA VÀO VIỆT NAM		49
14	Đặc điểm thị trường hàng hóa Việt Nam	50
15	Các kênh nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam và đặc điểm?	52
16	Đặc điểm người tiêu dùng Việt Nam	54
17	Quy trình thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam	55
18	Tình hình xuất khẩu hàng hóa nói chung của Canada?	60
19	Tình hình xuất khẩu hàng hóa Canada sang Việt Nam?	62
20	Các đối thủ cạnh tranh chính của hàng hóa Canada tại Việt Nam	66

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

21	Các lợi thế và bất lợi của hàng hóa Canada tại Việt Nam	69
22	Cơ hội từ CPTPP cho nhập khẩu hàng hóa từ Canada?	71
23	Làm thế nào để nhập khẩu hiệu quả hàng hóa từ Canada tận dụng cơ hội từ CPTPP?	72

Phần thứ ba

TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ CPTPP ĐỂ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA VIỆT NAM SANG CANADA 75

24	Thị trường Canada có những đặc điểm gì đáng lưu ý đối với các nhà xuất khẩu Việt Nam?	76
25	Đặc điểm tiêu dùng của người Canada?	79
26	Đặc điểm hệ thống phân phối của Canada?	81
27	Quy trình và thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Canada?	84
28	Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Canada?	89
29	Các đối thủ cạnh tranh chính của hàng hóa Việt Nam tại Canada?	92
30	Thuận lợi của hàng Việt Nam tại thị trường Canada?	96
31	Khó khăn của hàng Việt Nam tại thị trường Canada?	98
32	Cơ hội từ CPTPP cho xuất khẩu của Việt Nam ở thị trường Canada?	100
33	Làm thế nào để tận dụng CPTPP tăng cường xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Canada?	104

THÔNG TIN HỮU ÍCH 107

34	Có thể tìm kiếm các thông tin, dữ liệu về thị trường Canada và Việt Nam ở đâu?	108
35	Doanh nghiệp có thể tìm kiếm hỗ trợ về CPTPP và thị trường Canada, Việt Nam ở các địa chỉ nào?	110



Danh mục từ viết tắt

ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
CBSA	Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CTC	Quy tắc chuyển đổi mã HS hàng hóa
EU	Liên minh châu Âu
FTA	Hiệp định Thương mại Tự do
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GPT	Chế độ Ưu đãi Thuế quan Phổ cập
GST	Thuế hàng hóa và dịch vụ
HS	Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa
MFN	Nguyên tắc đối xử tối huệ quốc
OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
RVC	Quy tắc hàm lượng giá trị nội khối
SPS	Biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật
TBT	Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại
TRIPS	Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ của WTO
WCO	Tổ chức Hải quan Thế giới
VNACCS	Hệ thống Hải quan Tự động
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

01

CÁC CAM KẾT CPTPP VỀ
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA GIỮA
VIỆT NAM VÀ CANADA

Các cam kết thuế quan của Việt Nam và Canada được nêu ở đâu trong văn kiện CPTPP?

Các cam kết về thuế quan được nêu trong Chương 2 – “Đối xử quốc gia và Mở cửa thị trường đối với hàng hóa” của CPTPP, bao gồm 2 phần:

Phần Lời văn của Chương 2

Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa

Phần này nêu các nguyên tắc về cắt giảm thuế quan, về thuế quan đối với các trường hợp đặc thù (ví dụ hàng tân trang, hàng nhập khẩu để quảng bá/theo các sự kiện thể thao, các palet chứa hàng...). Đây là các nguyên tắc chung, áp dụng đối với tất cả các nước CPTPP, bao gồm cả Việt Nam và Canada.

Phần Phụ lục 2-D

Lộ trình cắt giảm thuế quan của mỗi nước thành viên CPTPP

Mỗi nước có một hoặc các Biểu cam kết riêng, trong đó:

- Việt Nam có 03 Phụ lục là:
 - Chú giải chung
 - Biểu cam kết thuế quan
 - Phụ lục A - Hạn ngạch thuế quan
- Canada có 04 Phụ lục là:
 - Chú giải chung
 - Biểu cam kết thuế quan
 - Phụ lục A - Hạn ngạch thuế quan của Canada
 - Phụ lục D - Giữa Nhật Bản và Canada về Thương mại Ô tô

Phần này nêu cam kết cắt giảm thuế quan cụ thể đối với từng loại hàng hóa (theo mã HS và theo lộ trình từng năm).

LƯU Ý VỚI DOANH NGHIỆP

Để biết được cam kết thuế quan ưu đãi của Việt Nam hay Canada đối với một sản phẩm cụ thể thì doanh nghiệp cần:

- 1 Xác định mã HS cụ thể của sản phẩm (theo Bảng mã HS của thị trường nhập khẩu)
- 2 Đọc Phụ lục Chương 2 – Phần của Thị trường nhập khẩu

Chú ý: Cần đọc Chú giải chung để biết được nội dung từng ký hiệu được sử dụng trong Biểu cam kết thuế quan; sau đó mới tra cứu Biểu cam kết thuế quan (tìm theo mã HS).

- 3 Nếu có băn khoăn về các vấn đề khác về thuế quan thì tìm đọc các nguyên tắc cắt giảm thuế quan trong Phần lời văn Chương 2 CPTPP

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Việt Nam có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hóa của Canada?

Cam kết về thuế quan của Việt Nam trong CPTPP chủ yếu bao gồm (i) cam kết thuế nhập khẩu (áp dụng đối với hàng hóa CPTPP nhập khẩu vào Việt Nam), và (ii) cam kết về thuế xuất khẩu (áp dụng đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu đi các nước CPTPP).

CAM KẾT VỀ THUẾ NHẬP KHẨU

Trong CPTPP, Việt Nam đưa ra cam kết thuế nhập khẩu ưu đãi cụ thể cho từng loại hàng hóa (từng dòng thuế HS). Với mỗi loại hàng hóa, mức ưu đãi thuế quan được áp dụng như nhau cho tất cả các nước CPTPP, trong đó có Canada.

Nhìn trong toàn bộ Biểu thuế, Việt Nam cam kết thuế nhập khẩu ưu đãi cho hàng hóa từ các nước CPTPP ở mức như sau:

- **65,8%** tổng số dòng thuế sẽ được loại bỏ (thuế suất 0%) ngay khi Hiệp định có hiệu lực (ngày 14/01/2019);
- **86,5%** tổng số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 4 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (Chú ý, năm thứ 4 bắt đầu từ ngày 01/01/2021 do Việt Nam cắt giảm thuế theo lộ trình năm thứ 2 từ ngày 14/01/2019 cho tất cả các nước CPTPP trừ Mexico);
- **97,8%** tổng số dòng thuế có thuế suất 0% vào năm thứ 11 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực;
- Các dòng thuế còn lại cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu với lộ trình xóa bỏ thuế đặc biệt, tối đa là vào năm thứ 16 hoặc theo hạn ngạch thuế quan.

Trước CPTPP, Việt Nam và Canada chưa có chung FTA nào. Do đó, hàng hóa của Canada nhập khẩu vào Việt Nam trước CPTPP phải chịu mức thuế nhập khẩu chung (thuế MFN, áp dụng cho các nước thành viên WTO). Mức thuế nhập khẩu MFN của Việt Nam năm 2018 trung bình là **11,86%**, mức cao nhất trong số các nước CPTPP. Mức thuế MFN cụ thể từng mặt hàng cũng tương đối cao, thậm chí một số mặt hàng bị đánh thuế lên tới 135%. Với mức giảm thuế như trong CPTPP, hàng hóa của Canada nhập khẩu vào Việt Nam sẽ được hưởng lợi đáng kể.

Bảng dưới đây tổng hợp cam kết thuế quan của Việt Nam trong CPTPP cho một số sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Canada. Có thể thấy khoảng phân nửa số các sản phẩm này được xóa bỏ thuế quan ngay sau khi CPTPP có hiệu lực, còn lại là xóa bỏ theo lộ trình hoặc áp dụng hạn ngạch thuế quan (các sản phẩm ô tô).

BẢNG

Cam kết thuế quan của Việt Nam cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Canada trong CPTPP

Chương HS	Tên mặt hàng	Thuế MFN trung bình 2018 của Việt Nam	Cam kết cắt giảm thuế của Việt Nam trong CPTPP
27	Than đá; than bành, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá.	7,13 %	<ul style="list-style-type: none"> Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 42/82 dòng thuế Lộ trình 8 năm với 6/82 dòng thuế (Khí dầu mỏ và các loại khí hydrocarbon khác dạng hóa lỏng) Lộ trình 11 năm với 34/82 dòng thuế (Xăng động cơ; Xăng máy bay, trừ loại sử dụng làm nhiên liệu máy bay phản lực; Tetrapropylen; Dung môi trắng (white spirit); Dầu thô đã tách phần nhẹ; Dầu và mỡ bôi trơn; Nhiên liệu diesel; các loại dầu nhiên liệu...)
87	Xe trừ phương tiện chạy trên đường sắt hoặc đường tàu điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng	38,8 %	<ul style="list-style-type: none"> Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 32/635 dòng thuế Lộ trình 3 năm với 3/635 dòng thuế Lộ trình 4 năm với 36/635 dòng thuế Lộ trình 6 năm với 53/635 dòng thuế Lộ trình 8 năm với 69/635 dòng thuế Lộ trình 10 năm với 2/635 dòng thuế Lộ trình 11 năm với 109/635 dòng thuế Lộ trình 12 năm với 74/635 dòng thuế Lộ trình 13 năm với 65/635 dòng thuế Áp dụng hạn ngạch thuế quan (mức thuế ngoài hạn ngạch là mức thuế cơ sở) với 191/635 dòng thuế

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Chương HS	Tên mặt hàng	Thuế MFN trung bình 2018 của Việt Nam	Cam kết cắt giảm thuế của Việt Nam trong CPTPP
84	Máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	4,61 %	<ul style="list-style-type: none"> • Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 868/1031 dòng thuế • Lộ trình 3 năm với 9/1031 dòng thuế (Bơm hoạt động kiểu piston chuyển động tịnh tiến khác; Bơm hoạt động kiểu piston quay khác; Bơm nước khác, với công suất trên 8.000 m3/h nhưng không quá 13.000 m3/h...) • Lộ trình 4 năm với 136/1031 dòng thuế • Lộ trình 6 năm với 2/1031 dòng thuế (Loại khác của Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; thân ổ (3) và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng)...)) • Lộ trình 8 năm với 12/1031 dòng thuế (Động cơ máy thủy công suất không quá 22,38 kW (30hp); Động cơ đốt trong kiểu piston chuyển động tịnh tiến dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87...) • Lộ trình 11 năm với 4/1031 dòng thuế (Máy điều hòa không khí loại khác, có kèm theo bộ phận làm lạnh, sử dụng cho xe chạy trên đường ray...)

Chương HS	Tên mặt hàng	Thuế MFN trung bình 2018 của Việt Nam	Cam kết cắt giảm thuế của Việt Nam trong CPTPP
71	N ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại	12,16 %	<ul style="list-style-type: none"> Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 37/81 dòng thuế Lộ trình 4 năm với 44/81 dòng thuế
44	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ	5,43 %	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế
39	Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa	8,48 %	<ul style="list-style-type: none"> Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 157/273 dòng thuế Lộ trình 4 năm với 115/273 dòng thuế Lộ trình 6 năm với 1/273 dòng thuế (3904.10.10 - Polyme đồng nhất, sản xuất theo công nghệ huyền phù) Lộ trình 8 năm với 1/273 dòng thuế (3926.30.00 A - Linh kiện lắp trong xe có động cơ)

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Chương HS	Tên mặt hàng	Thuế MFN trung bình 2018 của Việt Nam	Cam kết cắt giảm thuế của Việt Nam trong CPTPP
85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	8,64 %	<ul style="list-style-type: none"> Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 466/828 dòng thuế Lộ trình 4 năm với 350/828 dòng thuế Lộ trình 6 năm với 12/828 dòng thuế (Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan chưa lắp ráp, Thiết bị chiếu sáng hoặc tạo tín hiệu trực quan dùng cho xe máy, Đèn dùng cho xe có động cơ thuộc Chương 87, Ống huỳnh quang dùng cho đèn com-pắc...)
88	Phương tiện bay, tàu vũ trụ, và các bộ phận của chúng	0 %	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế
76	Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm	9,89 %	<ul style="list-style-type: none"> Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 57/63 dòng thuế Lộ trình 4 năm với 6/63 dòng thuế (đồng xèng, hộp đựng thuốc lá, lược, cốc thu nhựa mù, công cụ dệt... bằng nhôm)
48	Giấy và bìa; các sản phẩm làm bằng bột giấy, bằng giấy hoặc bằng bìa	14,38 %	<ul style="list-style-type: none"> Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 113/216 dòng thuế Lộ trình 4 năm với 103/216 dòng thuế

CAM KẾT VỀ THUẾ XUẤT KHẨU

Trong WTO, Việt Nam đã cam kết xóa bỏ thuế xuất khẩu ngoại trừ một số sản phẩm mà Việt Nam bảo lưu quyền tiếp tục áp thuế xuất khẩu.

Trong CPTPP, Việt Nam cam kết xóa bỏ thuế xuất khẩu đối với phần lớn các sản phẩm còn bảo lưu/giữ quyền áp dụng thuế xuất khẩu trong WTO (với lộ trình xóa bỏ thuế là từ 5-15 năm) và **chỉ giữ lại quyền áp dụng thuế xuất khẩu đối với 70 sản phẩm** thuộc các nhóm:

- **Nhóm khoáng sản:** cát (Chương 25), đá phiến (thuộc mã HS 2514), đá làm tượng đài hoặc xây dựng (2516), quặng dolomite (2518), quặng amiăng (2524), đá vôi (2521), quặng steatit (2526);
- **Nhóm quặng:** quặng đồng (2603), cô ban (2605), quặng nhôm (2606), quặng chì (2607), quặng kẽm (2608), quặng urani (2612), quặng thori (2612), quặng titan (2614), quặng zircon (2615), quặng vàng (2616) và quặng antimon (2617);
- **Nhóm than:** than đá (2701), than non (2702), than bùn (2703), và dầu thô (2709);
- **Nhóm vàng** (7108) và vàng trang sức (7113-7115).

LƯU Ý VỚI DOANH NGHIỆP

Để thực hiện các cam kết về ưu đãi thuế quan trong CPTPP, các nước thành viên thường sẽ ban hành các văn bản pháp luật nội địa cụ thể chứ không áp dụng trực tiếp các cam kết. Do đó, các Biểu cam kết của các nước thành viên chỉ có giá trị tham khảo, để biết thuế quan cụ thể được áp dụng doanh nghiệp phải tra cứu văn bản pháp luật nội địa.

Đối với Việt Nam, để tận dụng các cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế nhập khẩu, xuất khẩu trong CPTPP của Việt Nam, doanh nghiệp cần tra cứu các văn bản sau:

- Nghị định số 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện CPTPP giai đoạn 2019 – 2022
- Các văn bản liên quan tới các trường hợp ưu đãi theo hạn ngạch, ví dụ:
 - Thông tư 03/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định việc nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu theo hạn ngạch thuế quan theo Hiệp định CPTPP
 - Thông tư 04/2020/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về đấu giá hạn ngạch thuế quan nhập khẩu ô tô đã qua sử dụng theo Hiệp định CPTPP

Tổng hợp các văn bản thực thi CPTPP của Việt Nam có thể tham khảo tại đây:
<http://trungtamwto.vn/fita/230-van-ban-thuc-thi-cua-viet-nam/1>

Canada có cam kết thuế quan như thế nào cho hàng hóa của Việt Nam?

THUẾ NHẬP KHẨU

Tương tự như Việt Nam, trong CPTPP, Canada có cam kết thuế quan nhập khẩu ưu đãi cụ thể cho từng dòng thuế. Đối với mỗi dòng thuế, Canada cũng áp dụng mức ưu đãi chung đối với tất cả các nước CPTPP, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, đối với một số sản phẩm thuộc Chương 02 - Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ, Canada áp dụng các mức thuế quan ưu đãi riêng cho từng nước thành viên CPTPP.

Nhìn trong toàn bộ Biểu thuế, mức thuế quan nhập khẩu ưu đãi mà Canada cam kết dành cho hàng hóa của Việt Nam như sau:

- 94,5% tổng số dòng thuế sẽ được xóa bỏ ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực với Canada (ngày 30/12/2018), tương đương 77,9% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam;
- 96,3% tổng số dòng thuế sẽ được xóa bỏ vào năm thứ 4 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực (tức ngày 01/01/2021), tương đương 93,4% kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam;
- Áp dụng hạn ngạch thuế quan đối với **96 dòng thuế** của 3 nhóm mặt hàng: (i) thịt gà; (ii) trứng và (iii) bơ sữa và sản phẩm bơ sữa.

Cho tới trước CPTPP, Canada chưa có FTA nào với Việt Nam. Do đó về nguyên tắc hàng hóa Việt Nam nhập khẩu vào nước này phải chịu mức thuế MFN (như tất cả các nước WTO khác). Tuy nhiên, một số nhóm sản phẩm của Việt Nam nhập khẩu vào Canada được hưởng thuế quan ưu đãi theo Chế độ Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GPT) mà Canada đơn phương dành cho các nước đang và kém phát triển, trong đó có Việt Nam. Các sản phẩm thuộc diện GPT được hưởng mức thuế ưu đãi hơn so với thuế MFN. Hơn nữa điều kiện hưởng ưu đãi theo GPT khá ngặt nghèo (chủ yếu là quy tắc xuất xứ quá khó) nên không dễ được hưởng mức thuế GPT ưu đãi này.

Năm 2020, thuế MFN trung bình áp dụng của Canada là 2,69%, còn thuế GPT trung bình là 2,02%. So với các nước thành viên CPTPP khác, thuế quan trung bình áp dụng của Canada là tương đối thấp. Mặc dù vậy, xét theo từng nhóm sản phẩm, thuế MFN của Canada đối với các sản phẩm công nghiệp thường là 0% hoặc rất thấp, tuy nhiên một số sản phẩm nông nghiệp lại có mức thuế quan tương đối cao, có sản phẩm lên tới 238%.

Như vậy, với CPTPP, hàng hóa Việt Nam sẽ có lợi thế nhất định khi xuất khẩu sang Canada so với hiện tại, nhất là các sản phẩm nông nghiệp.

CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI THUẾ QUAN PHỔ CẬP CỦA CANADA

Từ năm 1974, Canada áp dụng Chế độ Ưu đãi Thuế quan Phổ cập (GPT) dành cho các nước đang và kém phát triển nhằm cắt giảm thuế quan cho một số loại hàng hóa nhập khẩu từ các nước này. Việt Nam là một trong những nước được hưởng GPT của Canada. Tuy nhiên, không phải tất cả các sản phẩm xuất khẩu sang Canada đều được hưởng GPT. Một số mặt hàng mà Việt Nam có thế mạnh thuộc nhóm dệt may, giày dép và hóa chất lại được xếp vào diện nhạy cảm của Canada và nước này không cho hưởng GPT.

Để được hưởng GPT của Canada, hàng hóa phải đảm bảo hàm lượng nguyên liệu có xuất xứ không thấp hơn 60%. Đây là một tỷ lệ khá cao so với mức phổ biến 40% ở các FTA. Mặc dù quy tắc này cho phép cộng gộp các nguyên liệu từ các nước được hưởng GPT khác của Canada nhưng các nước này đều không phải là nguồn nhập khẩu nguyên liệu chính của Việt Nam. Nguồn nhập khẩu nguyên liệu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc không được hưởng GPT của Canada. Một số nguồn khác như ASEAN thì ngoài Việt Nam chỉ có Lào, Campuchia, và Philippines được hưởng GPT của Canada. Do đó, để đáp ứng được yêu cầu xuất xứ để hưởng thuế GPT của Canada là tương đối khó với hàng hóa của Việt Nam.

Thêm vào đó, GPT là một hình thức ưu đãi đơn phương do Canada tự nguyện dành cho một số nước đang và kém phát triển (chứ không phải như các FTA khi mà các cam kết ưu đãi được thực hiện theo hình thức “có đi có lại”). Do đó, việc lựa chọn sản phẩm nào cho ưu đãi, ưu đãi ở mức nào và trong bao lâu do Canada toàn quyền quyết định. Rất nhiều sản phẩm Việt Nam có lợi thế xuất khẩu như một số sản phẩm nông nghiệp, dệt may hay giày dép lại không được hưởng GPT của Canada.

Trong khi đó theo CPTPP 100% hàng hóa của Việt Nam sẽ được cắt giảm thuế theo lộ trình (ngắn) hoặc áp dụng hạn ngạch (chỉ một số ít sản phẩm). Quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP cũng được đánh giá là dễ áp dụng hơn so với GPT.

Do đó, CPTPP có nhiều lợi thế và hứa hẹn mở thêm nhiều cơ hội hơn cho các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Canada hơn so với GPT của nước này.

Bảng dưới đây tổng hợp cam kết CPTPP của Canada đối với một số sản phẩm mà Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu. Đa số các sản phẩm này đều có mức thuế MFN hoặc GPT trung bình tương đối thấp (trừ giày dép và một số sản phẩm dệt may) và được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực (trừ một số sản phẩm dệt may, giày dép chỉ được xóa bỏ thuế quan theo lộ trình).

BẢNG

Cam kết thuế quan của Canada cho các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong CPTPP

Chương	Sản phẩm	Mức thuế MFN trung bình 2020 của Canada (%)	Mức thuế GPT trung bình 2020 của Canada (%)	Cam kết cắt giảm thuế của Canada trong CPTPP
85	Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	1,13 %	0,57%	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế
64	Giày dép	12,22 %	10,73%	<ul style="list-style-type: none">Xóa bỏ thuế ngay khi Hiệp định có hiệu lực với 55/69 (chiếm khoảng 80%) dòng thuế giày dép của Việt NamLộ trình 7 năm với 1 dòng thuế mã HS 6403.40.00 (Giày, dép thể thao khác, có mũi bằng kim loại để bảo vệ)Lộ trình 11 năm với 3/69 dòng thuế bao

Chương	Sản phẩm	Mức thuế MFN trung bình 2020 của Canada (%)	Mức thuế GPT trung bình 2020 của Canada (%)	Cam kết cắt giảm thuế của Canada trong CPTPP
				<p>gồm mã HS 6403.51.00ex, 6403.59.90ex, 6403.99.90ex (thuộc loại Dép đi trong nhà)</p> <ul style="list-style-type: none"> Lộ trình 12 năm (giữ ở mức thuế cơ sở từ năm thứ nhất đến năm thứ 8, bắt đầu cắt giảm thuế từ năm thứ 9, và sẽ được miễn thuế kể từ năm thứ 12) với 9/69 dòng thuế bao gồm: Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc plastic, mũ giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoáy ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự thuộc các mã HS 6401.10.19, 6401.10.20, 6401.92.91, 6401.92.92, 6401.99.12, 6401.99.19, 6401.99.20; Giày dép khác có Mũi giày được gắn kim loại để bảo vệ có mã HS 6402.91.10; Giày, dép có đế ngoài bằng cao su hoặc plastic – loại khác có mã HS 6404.19.90 Lộ trình 12 năm (giảm còn ¼ mức thuế cơ sở vào năm thứ nhất, giữ thuế này đến năm thứ 11, và miễn thuế từ năm thứ 12) với 1 dòng thuế mã HS 6403.91.00 (Giày cổ cao quá mắt cá chân có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc)

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Chương	Sản phẩm	Mức thuế MFN trung bình 2020 của Canada (%)	Mức thuế GPT trung bình 2020 của Canada (%)	Cam kết cắt giảm thuế của Canada trong CPTPP
50-63	Dệt may	<ul style="list-style-type: none"> • 1,13% đối với các sản phẩm dệt may Chương 50-60 • 16,05% đối với các sản phẩm dệt may Chương 61-63 	<ul style="list-style-type: none"> • 0,79% đối với các sản phẩm dệt may Chương 50-60 • 15,48% đối với các sản phẩm dệt may Chương 61-63 	<ul style="list-style-type: none"> • Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với 1068/1203 (tương đương khoảng 88,8%) dòng thuế dệt may của Việt Nam • Lộ trình 4 năm với 107/1203 dòng thuế, chủ yếu thuộc về mặt hàng may mặc • Lộ trình 6 năm với 28/1203 dòng thuế (thảm và các loại hàng dệt trải sàn)
84	Máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	0,36 %	0,07%	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế
90	Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng	0,83 %	0,05%	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế

Chương	Sản phẩm	Mức thuế MFN trung bình 2020 của Canada (%)	Mức thuế GPT trung bình 2020 của Canada (%)	Cam kết cắt giảm thuế của Canada trong CPTPP
44 và 9403.30-60	Đồ gỗ	<ul style="list-style-type: none"> • 1,52% đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44 • 5,7% đối với đồ nội thất bằng gỗ có mã HS. 9403.30-60 	<ul style="list-style-type: none"> • 0,41% đối với gỗ và các sản phẩm gỗ Chương 44 • 3,6% đối với đồ nội thất bằng gỗ có mã HS. 9403.30-60 	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế
72	Sắt và thép	0 %	0 %	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế
39	Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa	1,47%	0,68%	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế
03 và 16.04, 16.05	Thủy sản	<ul style="list-style-type: none"> • 0,65% đối với sản phẩm thủy sản thuộc Chương 3 • 4,28% đối với chế phẩm thủy sản mã HS 16.04, 16.05 	<ul style="list-style-type: none"> • 0,53% đối với sản phẩm thủy sản thuộc Chương 3 • 3,53% đối với chế phẩm thủy sản mã HS 16.04, 16.05 	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Chương	Sản phẩm	Mức thuế MFN trung bình 2020 của Canada (%)	Mức thuế GPT trung bình 2020 của Canada (%)	Cam kết cắt giảm thuế của Canada trong CPTPP
07, 08, và 20	Rau quả	<ul style="list-style-type: none"> • 0,4 % đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07 • 0,85% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08 • 5,71% đối với các sản phẩm rau quả đã qua chế biến Chương 20 	<ul style="list-style-type: none"> • 1,61% đối với các sản phẩm rau tươi và sơ chế Chương 07 • 1,04% đối với các sản phẩm quả tươi và sơ chế Chương 08 • 5,41% đối với các sản phẩm rau quả đã qua chế biến Chương 20 	Xóa bỏ thuế ngay khi CPTPP có hiệu lực với tất cả dòng thuế

THUẾ XUẤT KHẨU

Khác với Việt Nam, Canada cam kết không áp dụng thuế xuất khẩu đối với tất cả các hàng hóa xuất khẩu.

LƯU Ý VỚI DOANH NGHIỆP

Để thực hiện các cam kết về ưu đãi thuế quan trong CPTPP, các nước thành viên thường sẽ ban hành các văn bản pháp luật nội địa cụ thể chứ không áp dụng trực tiếp các cam kết. Do đó, các Biểu cam kết của các nước thành viên chỉ có giá trị tham khảo. Để biết thuế quan cụ thể được áp dụng, doanh nghiệp phải tra cứu văn bản pháp luật nội địa.

Đối với Canada, để tận dụng các cam kết cắt giảm, loại bỏ thuế nhập khẩu trong CPTPP của Việt Nam, doanh nghiệp cần tra cứu các quy định nội địa của Canada thực hiện CPTPP, bao gồm:

- Đạo luật thực hiện CPTPP (Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership Implementation Act, S.C. 2018, c. 23): Đạo luật này bao gồm các nội dung tổng thể sửa đổi từng đạo luật liên quan để thực thi CPTPP
- Các quy định thực hiện CPTPP trong các lĩnh vực cụ thể (như thuế quan ưu đãi, quy tắc xuất xứ, toà án thương mại quốc tế)

Tổng hợp các văn bản thực thi CPTPP của Canada có thể tham khảo tại đây:

https://laws-lois.justice.gc.ca/eng/annualstatutes/2018_23/FullText.html

<https://laws-lois.justice.gc.ca/Search/Search.aspx?&h1dd3n1d=0CBUTVGHM3RC-40&ddC0nt3ntTyp3=ActsRegs&h1dd3nPag3Num=8&txtS3archA11=CPTPP&h1ts0n1y=1#results>

Sau khi CPTPP có hiệu lực, Việt Nam và Canada có được phép cấm hoặc hạn chế xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa không?

CPTPP nhắc lại các nghĩa vụ trong WTO, theo đó các nước không được ban hành hoặc duy trì bất kỳ biện pháp cấm, hạn chế nhập khẩu hoặc xuất khẩu nào ngoại trừ các trường hợp đã có cam kết và các ngoại lệ trong WTO. Như vậy, trừ các trường hợp đã quy định trong cam kết, Việt Nam và Canada sẽ không thể cấm, hạn chế nhập khẩu hay xuất khẩu hàng hóa.

Bên cạnh các nghĩa vụ trong WTO, CPTPP còn yêu cầu các nước Thành viên *không được áp dụng các biện pháp có tính hạn chế xuất/nhập khẩu* sau đây:

- Các yêu cầu về giá xuất khẩu, nhập khẩu, ngoại trừ các trường hợp thực hiện các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp;
- Các biện pháp cấp phép nhập khẩu dựa trên tiêu chí về hoạt động (performance requirement), ví dụ yêu cầu về tỷ lệ xuất khẩu tối thiểu, yêu cầu về mức độ nội địa hóa...;
- Chỉ cho phép tham gia nhập khẩu hoặc cho phép nhập khẩu một loại hàng hóa nếu có quan hệ hợp đồng hoặc quan hệ khác với một nhà phân phối nội địa;
- Các hạn chế xuất khẩu tự nguyện theo yêu cầu của một nước nhập khẩu nào đó không phù hợp với các quy định của WTO.

Đối với các trường hợp có bảo lưu tiếp tục giữ một số quy định cấm và/hoặc hạn chế xuất nhập khẩu đối với một số mặt hàng nhất định, các nước CPTPP cũng phải cam kết nếu có sửa đổi các quy định đó trong tương lai thì chỉ có thể theo hướng mở hơn, không được hạn chế hơn mức đã bảo lưu.

Bảo lưu của Việt Nam

Việt Nam bảo lưu các biện pháp cấm xuất hoặc cấm nhập khẩu tại Nghị định số 187/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 04/2014/TT-BCT ngày 27/01/2014 của Bộ Công Thương hướng dẫn Nghị định này đối với một số loại hàng hóa được liệt kê, ví dụ:

- Việt Nam vẫn được quyền giữ các quy định cấm nhập khẩu đối với phương tiện vận tải tay lái nghịch, phương tiện vận tải cũ trên 5 năm và một số sản phẩm đã qua sử dụng (bao gồm quần áo, giày dép, đồ gỗ, máy tính xách tay, thiết bị y tế, xe đạp, xe ba bánh...);
- Việt Nam vẫn được cấm xuất khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ các loại từ gỗ rừng tự nhiên trong nước, các sản phẩm gỗ (trừ các sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các sản phẩm được sản xuất từ gỗ rừng trồng, gỗ nhập khẩu, hoặc pallet nhân tạo).

Bảo lưu của Canada

Canada bảo lưu các biện pháp hạn chế xuất nhập khẩu như sau:

- Xuất khẩu Gỗ tròn;
- Xuất khẩu Cá chưa chế biến theo pháp luật hiện hành của địa phương;
- Nhập khẩu các dòng thuế 9897.00.00 (một số động vật hoang dã, quý hiếm, một số sản phẩm đã qua sử dụng như nệm, xe máy, máy bay....), 9898.00.00 (vũ khí đạn dược) và 9899.00.00 (sách báo tranh ảnh phi văn hóa) trong Biểu HS của Canada.

Quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP?

Để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP, sản phẩm của Việt Nam xuất khẩu sang Canada hoặc sản phẩm Canada nhập khẩu vào Việt Nam phải đáp ứng được quy tắc xuất xứ (QTXX) của Hiệp định. Mục đích của quy định về QTXX là để đảm bảo rằng chỉ hàng hóa sản xuất chủ yếu trong khu vực CPTPP thì mới được hưởng ưu đãi thuế quan của Hiệp định.

Cụ thể, quy tắc xuất xứ CPTPP yêu cầu các hàng hóa nhập khẩu để được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định thì phải được hình thành hoàn toàn từ các nước CPTPP hoặc được sản xuất từ các nguyên liệu với tỷ lệ giá trị hoặc/và theo quy trình nhất định trong khu vực CPTPP. Mỗi nhóm hàng hóa có QTXX cụ thể riêng. Hàng hóa không đáp ứng quy tắc xuất xứ CPTPP tương ứng sẽ không được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định này.

QTXX trong CPTPP được quy định tại:

- *Chương 3:* Chương này bao gồm các quy định chung về QTXX và thủ tục chứng nhận xuất xứ, cùng với các Phụ lục chi tiết, trong đó đáng chú ý có Phụ lục về Quy tắc xuất xứ cụ thể cho từng nhóm hàng hóa (trừ dệt may);
- *Chương 4:* Chương này có các cam kết chi áp dụng riêng cho các sản phẩm dệt may trong đó có QTXX đối với dệt may.

Khác với cam kết về thuế quan, với các Biểu cam kết ưu đãi thuế quan riêng của mỗi nước, cam kết QTXX trong CPTPP là một bộ thống nhất, gồm các QTXX cụ thể cho từng nhóm hàng hóa, áp dụng chung cho hàng hóa xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên CPTPP.

QTXX trong CPTPP được thiết kế riêng cho từng nhóm hàng hóa xác định theo mã HS chi tiết đến 6 số (khác với biểu thuế quan với cam kết về mức thuế ưu đãi riêng cho từng dòng thuế HS 8 số hoặc 10 số tùy từng nước).

LƯU Ý VỚI DOANH NGHIỆP

QTXX là điều kiện để hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP khi xuất nhập khẩu giữa các nước thành viên CPTPP. Do đó, doanh nghiệp muốn hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP cần phải tìm hiểu về QTXX áp dụng cho hàng hóa của mình, đồng thời chuẩn bị các tài liệu, chứng cứ cần thiết để chứng minh hàng hóa đáp ứng các QTXX đó cũng như thực hiện các thủ tục yêu cầu để có chứng nhận xuất xứ theo quy định.

Trên thực tế, các cam kết về QTXX thường được đưa vào pháp luật nội địa của từng nước để thuận tiện cho việc tổ chức thực hiện trên thực tế. Do đó, ngoài việc tham khảo cam kết CPTPP về QTXX, doanh nghiệp cần tra cứu văn bản pháp luật nội địa để biết quy định cụ thể liên quan để tuân thủ.

Ví dụ, doanh nghiệp cần xin chứng nhận xuất xứ CPTPP cho hàng hóa Việt Nam xuất khẩu đi Canada thì cần tìm hiểu Thông tư số 03/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương về QTXX hàng hóa trong CPTPP. Doanh nghiệp muốn hưởng ưu đãi thuế quan đối với hàng hóa CPTPP nhập khẩu vào Việt Nam thì cần yêu cầu đối tác xuất khẩu có chứng nhận xuất xứ CPTPP phù hợp với quy định của nước xuất khẩu, đồng thời phải tìm hiểu Thông tư số 62/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2018/TT-BTC quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu).

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

CPTPP bao gồm những loại Quy tắc xuất xứ nào?

Tương tự các FTA khác, CPTPP cũng quy định một hàng hóa sẽ được coi là có xuất xứ CPTPP nếu thuộc một trong ba trường hợp sau đây:

Trường hợp 1: Có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa có xuất xứ thuần túy là hàng hóa được trồng, thu hoạch, đánh bắt, hoặc sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một hoặc nhiều nước thành viên CPTPP.

Ví dụ cây trồng, động vật sống, khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên ở Việt Nam hoặc sản phẩm được sản xuất hoàn toàn tại Việt Nam từ các cây trồng, động vật sống....đó.

Trường hợp 2: Hàng hóa được sản xuất toàn bộ trong khu vực CPTPP và chỉ từ các nguyên liệu có xuất xứ từ CPTPP

Khác với trường hợp thứ nhất, trường hợp này hàng hóa không có xuất xứ toàn bộ ở một nước CPTPP mà là từ nhiều nước khác nhau nhưng đều là thành viên đã phê chuẩn CPTPP. Đây là hình thức “xuất xứ nội khối” điển hình.

Ví dụ, sản phẩm bánh ngọt được sản xuất tại Việt Nam từ các nguyên liệu sô-cô-la có xuất xứ Mexico, đường Australia và sữa New Zealand (Việt Nam, Mexico, Australia, New Zealand đều là thành viên đã phê chuẩn CPTPP) khi xuất khẩu sang Canada thì được coi là có xuất xứ CPTPP dạng này.

Trường hợp 3: Hàng hóa được sản xuất toàn bộ trong khu vực CPTPP, sử dụng một phần nguyên liệu không có xuất xứ CPTPP nhưng đáp ứng được các Quy tắc xuất xứ cụ thể mặt hàng quy định trong Phụ lục 3-D của Chương 3

Đây là trường hợp phổ biến nhất (trong bối cảnh sản xuất thường là theo chuỗi, với các nguyên liệu từ và các công đoạn diễn ra ở nhiều nước trên thế giới). Tuy nhiên, đây cũng là nhóm quy tắc xuất xứ phức tạp nhất, và có khác biệt nhiều nhất giữa CPTPP và các FTA mà Việt Nam đã từng ký kết trước đây.

CPTPP quy định 03 quy tắc xác định xuất xứ cho trường hợp này, bao gồm:

- **Quy tắc chuyển đổi mã HS hàng hóa (Tariff Shift hoặc Change in Tariff Classification - CTC)**

Theo quy tắc này, hàng hóa thành phẩm phải có mã HS khác với mã HS của nguyên liệu ban đầu. Tuy nhiên, không phải mọi sự chuyển đổi về mã HS đều được chấp nhận mà phải tuân thủ các quy định cụ thể về chuyển đổi HS (chuyển đổi Chương hay Nhóm hay Phân nhóm) nêu cụ thể trong QTXX của CPTPP quy định cho hàng hóa đó.

- **Quy tắc hàm lượng giá trị nội khối (Regional Value Content - RVC)**

Theo quy tắc này, hàng hóa thành phẩm có một phần nguyên liệu không xuất xứ thì giá trị phần nguyên liệu có xuất xứ CPTPP của hàng hóa đó không được thấp hơn một tỷ lệ nhất định trong tổng giá trị của hàng hóa thành phẩm nêu cụ thể trong QTXX của CPTPP quy định cho hàng hóa đó.

CPTPP quy định 04 phương pháp để tính RVC của hàng hóa, trong đó có 03 phương pháp chung (bao gồm phương pháp giá trị tập trung, phương pháp tính gián tiếp, phương pháp tính trực tiếp) và 01 phương pháp dành riêng cho nhóm sản phẩm ô tô (phương pháp tính theo chi phí tịnh, áp dụng cho ô tô và phụ tùng ô tô).

- **Quy tắc công đoạn sản xuất (Production Process)**

Phương pháp này yêu cầu hàng hóa có một phần nguyên liệu không xuất xứ phải trải qua một công đoạn sản xuất nhất định tại các nước CPTPP để thay đổi cơ bản bản chất của hàng hóa. So với 02 phương pháp trên, phương pháp này không áp dụng phổ biến, chỉ được quy định chủ yếu cho một số loại hàng hóa mà phương pháp chuyển đổi mã hàng hóa hoặc RVC quá phức tạp/không áp dụng được (ví dụ các sản phẩm hóa chất).

Với mỗi loại hàng hóa, quy tắc xuất xứ có thể là một, một số trong ba loại trên, và/hoặc kết hợp hai, ba loại trên.

Thủ tục chứng nhận xuất xứ trong CPTPP có gì đặc biệt?

CPTPP yêu cầu áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ, trong đó các chủ thể được tự chứng nhận xuất xứ bao gồm cả **nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu và nhà sản xuất**.

Đây là một cơ chế chứng nhận xuất xứ rất mới đối với Việt Nam, bởi hiện tại các doanh nghiệp Việt Nam vẫn phải xin chứng nhận xuất xứ theo các FTA tại các đơn vị có thẩm quyền của Bộ Công Thương. Và, Việt Nam mới chỉ đang bắt đầu đưa vào thí điểm một số trường hợp tự chứng nhận xuất xứ theo FTA ASEAN (ATIGA).

Cơ chế này cũng mở rộng hơn so với cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hiện đang phổ biến ở Hoa Kỳ (chỉ nhà nhập khẩu được tự chứng nhận xuất xứ), hay cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của EU (chỉ nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ).

Cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của CPTPP được đánh giá là một cơ chế linh hoạt và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa. Tất nhiên, các nước có quyền quy định về các điều kiện, quy trình, thủ tục để các nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, nhà sản xuất tự chứng nhận xuất xứ.

Tuy nhiên, CPTPP có lộ trình chung và Việt Nam có bảo lưu riêng về việc áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ trong CPTPP, cụ thể:

- *Đối với hàng nhập khẩu*, Việt Nam được phép chưa áp dụng hình thức nhà nhập khẩu tự chứng nhận xuất xứ trong vòng 5 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.
Như vậy, đối với hàng hóa Canada nhập khẩu vào Việt Nam thì sau tối đa 5 năm kể từ khi CPTPP có hiệu lực, các nhà nhập khẩu của Việt Nam được phép tự chứng nhận đối với hàng hóa nhập khẩu từ Canada. Tuy nhiên, ngay từ khi Hiệp định có hiệu lực, Việt Nam phải chấp nhận các chứng nhận xuất xứ do các nhà sản xuất, xuất khẩu Canada tự phát hành.
- *Đối với hàng xuất khẩu*, trong vòng 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực (và có thể gia hạn thêm 5 năm nữa), các nước (trong đó có Việt Nam) có thể áp dụng song song hai hình thức cấp giấy chứng nhận xuất xứ: (i) Cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống (chứng nhận xuất xứ được phát hành bởi một cơ quan có thẩm quyền cấp - tức là vẫn như quy trình cấp chứng nhận xuất xứ hiện tại của Việt Nam), hoặc (ii) Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ.

CPTPP có cam kết gì về Hải quan và Thuận lợi hóa thương mại?

CPTPP có một Chương riêng (Chương 5) về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại. Chương này thiết lập các nguyên tắc và quy định về việc áp dụng các thủ tục hải quan và các biện pháp liên quan khác của mỗi thành viên (bao gồm cả Việt Nam và Canada) đối với hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu từ các nước CPTPP. Mục đích của Chương này là nhằm tạo thuận lợi hơn cho thương mại nội khối, đặc biệt có lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ vốn gặp nhiều khó khăn trong việc tìm hiểu và đáp ứng các quy định hải quan của các nước.

Cụ thể, Chương Hải quan và Thuận lợi hóa thương mại của CPTPP yêu cầu các nước phải thực hiện các biện pháp tăng tính minh bạch của quy trình xuất nhập khẩu, ví dụ:

- Minh bạch hóa thông tin và quy định về các thủ tục hải quan, và nếu có thể, phải đăng các thông tin và quy định đó lên mạng, bằng tiếng Anh để cho các nhà xuất khẩu nước ngoài có thể tiếp cận và tìm hiểu được dễ dàng;
- Phải thông báo trước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến quy định và pháp luật về hải quan;
- Xây dựng và duy trì các điểm hỏi đáp để các doanh nghiệp có thể trực tiếp liên hệ và hỏi về các quy định và thủ tục hải quan.

Các nước CPTPP cũng cam kết một số vấn đề cụ thể để tạo thuận lợi cho quy trình xuất nhập khẩu, trong đó đáng chú ý có cam kết về giải phóng hàng nhanh:

- Giải phóng hàng nhanh nhất có thể, và nếu được thì chậm nhất là trong vòng 48 giờ;
- Để hạn chế các trường hợp chậm trễ giải phóng hàng do cơ quan hải quan chưa đưa ra được quyết định về mức thuế phí phải nộp, các nước cam kết phải cho phép giải phóng hàng trên cơ sở một khoản tiền bảo lãnh.

Hải quan Việt Nam trong những năm qua đã được đẩy mạnh cải cách và có nhiều tiến triển đáng kể tạo thuận lợi cho các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Tuy nhiên, so với các nước khác, các thủ tục xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn chưa thực sự thuận lợi cho doanh nghiệp. Theo đánh giá của Doing Business 2020, chỉ số thuận lợi thương mại xuyên biên giới (Trading Across Borders) của Việt Nam chỉ đạt 70,8/100 điểm và xếp 104/190 nước. Đối với Canada, mặc dù là một nước có trình độ phát triển cao trong OECD, chỉ số thuận lợi thương mại xuyên biên giới của nước này cũng không cao, chỉ đạt 88,8/100 điểm (so với mức trung bình 94,3/100 điểm của các nước OECD có thu nhập cao) và đứng thứ 51/190 nước.

Do đó, các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong CPTPP được đánh giá là sẽ đem lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu của cả Việt Nam và Canada.

Cam kết CPTPP về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)?

Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) là tất cả các quy định, điều kiện, yêu cầu bắt buộc về an toàn thực phẩm, ngăn chặn dịch bệnh mà nước nhập khẩu áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu. CPTPP có một Chương về SPS (Chương 7) áp dụng chung cho tất cả các nước và tất cả các sản phẩm liên quan.

Theo nội dung của Chương này, các nước CPTPP, trong đó có Việt Nam và Canada, được tiếp tục giữ quyền chủ động trong việc ban hành và áp dụng các biện pháp SPS nhưng phải đảm bảo rằng các biện pháp đó (i) dựa trên các căn cứ khoa học hoặc theo các tiêu chuẩn, hướng dẫn, khuyến nghị quốc tế, và (ii) chỉ được áp dụng ở mức cần thiết, không gây cản trở thương mại và không phân biệt đối xử giữa các sản phẩm trong nước và nước ngoài.

Ngoài ra, CPTPP có một số cam kết đáng chú ý có thể tác động tới hợp tác giữa các nước thành viên CPTPP (mà trong trường hợp này là Việt Nam và Canada) trong vấn đề SPS sau:

- Khuyến khích Việt Nam và Canada có các bước đi nhằm công nhận tương đương các biện pháp SPS của nhau;
- Yêu cầu Việt Nam và Canada phải bảo đảm quy trình thông tin liên quan tới các biện pháp khẩn cấp khi có các rủi ro nghiêm trọng liên quan đến sức khỏe hoặc tính mạng con người, động vật hoặc thực vật (bao gồm cả trường hợp khẩn cấp về thực phẩm);
- Các quy trình (đặc biệt là các thời hạn) bắt buộc để Canada phê duyệt danh sách các cơ sở/đơn vị của Việt Nam đủ điều kiện về an toàn thực phẩm để nhập khẩu vào nước mình, và ngược lại;
- Bảo đảm minh bạch trong quá trình ban hành, thực hiện các biện pháp SPS của Việt Nam và Canada.

Các cam kết CPTPP về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)?

Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu và/hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp của hàng hoá nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó. CPTPP có một Chương riêng về TBT (Chương 8), với các cam kết áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên, và tất cả các sản phẩm liên quan.

Trong Chương TBT, CPTPP không cản trở quyền của các nước thành viên trong việc chủ động ban hành và thực thi các biện pháp TBT theo nhu cầu của nước mình. Tuy nhiên, trong quá trình này các nước, trong đó có Việt Nam và Canada, phải tuân thủ một số nguyên tắc và quy định nhất định thuộc 02 nhóm cam kết chính sau:

Nhóm cam kết gắn với các nghĩa vụ trong WTO

- Các cam kết nhấn mạnh việc tuân thủ các nguyên tắc WTO về TBT (Việt Nam cũng như Canada có quyền ban hành TBT nhưng phải dựa trên các căn cứ khoa học xác đáng, khi soạn thảo phải lấy ý kiến bình luận, khi áp dụng phải công bằng không phân biệt đối xử ...); và
- Cam kết bổ sung thêm một số chi tiết liên quan tới các yêu cầu về minh bạch trong WTO.

Nhóm cam kết riêng của CPTPP

CPTPP có bổ sung một số cam kết mới về TBT so với WTO, trong đó có cam kết về nghĩa vụ quản lý tổ chức đánh giá sự phù hợp. Trong quan hệ xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Canada, có một số cam kết đáng chú ý:

- Việt Nam không được đối xử phân biệt giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp đặt trụ sở Canada với các tổ chức đặt trụ sở tại lãnh thổ nước mình, và ngược lại;
- Việt Nam và Canada không được yêu cầu các tổ chức đánh giá sự phù hợp phải đặt trụ sở hay đặt văn phòng đại diện trên lãnh thổ nước mình;
- Việt Nam và Canada không được yêu cầu hợp pháp hóa các giấy tờ về đánh giá sự phù hợp (ví dụ chứng nhận hợp quy, văn bản xác nhận bảo đảm các quy chuẩn kỹ thuật đối với từng thị trường...) do tổ chức đánh giá sự phù hợp của nước kia phát hành.

CPTPP còn có một số cam kết TBT riêng đối với 06 nhóm hàng hóa là rượu vang và đồ uống chưng cất, các sản phẩm công nghệ thông tin, dược phẩm, thiết bị y tế, mỹ phẩm, thực phẩm đóng gói và phụ gia thực phẩm. Trường hợp hàng hóa xuất nhập khẩu giữa hai Bên thuộc nhóm này, Việt Nam và Canada phải bảo đảm tuân thủ các cam kết này.

VÍ DỤ VỀ MỘT SỐ RÀNG BUỘC VỀ TBT ĐỐI VỚI RƯỢU VANG VÀ ĐỒ UỐNG CHƯNG CẤT

Khi ban hành và thực thi các tiêu chuẩn TBT đối với các sản phẩm này, Việt Nam và Canada phải bảo đảm:

- Cho phép sản phẩm nhập khẩu được lựa chọn ghi nhãn về độ cồn theo cả kiểu alc/vol hoặc theo kiểu độ cồn tối đa;
- Nếu yêu cầu rượu phải được dán nhãn với các thông tin về tên sản phẩm, nước xuất xứ, trọng lượng tịnh, độ cồn thì phải cho phép nhãn đó chỉ cần ghi trên thùng chứa rượu hoặc bao bì khác là đủ;
- Không được yêu cầu ghi trên nhãn chai, thùng chứa các thông tin về ngày sản xuất, ngày hết hạn, ngày bán, trừ một số trường hợp đặc biệt;
- Không được bắt buộc phải dịch nhãn hiệu thương mại của rượu trên chai, thùng chứa hoặc bao bì khác...

VÍ DỤ VỀ MỘT SỐ RÀNG BUỘC VỀ TBT ĐỐI VỚI MỸ PHẨM

Ví dụ liên quan tới mỹ phẩm, theo Chương TBT của CPTPP, Việt Nam cũng như Canada không được yêu cầu doanh nghiệp phải cung cấp các thông tin liên quan tới giá và chi phí trong hồ sơ đăng ký lưu hành mỹ phẩm; hay phải ghi số đăng ký lưu hành trên nhãn sản phẩm...

Đối với dược phẩm, khi xem xét đơn xin đăng ký lưu hành của doanh nghiệp cho dược phẩm của Bên kia, cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam cũng như Canada phải bảo đảm rằng:

- Việc xem xét phải dựa trên các tiêu chí nhất định được liệt kê (bao gồm thông tin về mức độ an toàn và hiệu quả; về chất lượng sản xuất; thông tin ghi nhãn về mức độ an toàn, hiệu quả và cách sử dụng; các thông tin khác ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe và an toàn của người sử dụng);
- Không yêu cầu cung cấp các thông tin về tài chính;
- Hướng tới việc bỏ qua các dữ liệu về giá dược phẩm khi xem xét để ra quyết định cấp phép đăng ký lưu hành...

Các cam kết CPTPP về Sở hữu trí tuệ?

CPTPP có một Chương riêng (Chương 18) về Sở hữu trí tuệ (SHTT). So với Hiệp định về các khía cạnh thương mại liên quan tới quyền sở hữu trí tuệ (TRIPS) của WTO thì CPTPP có phạm vi cam kết rộng hơn, chi tiết hơn, với mức độ bảo hộ cao hơn ở nhiều khía cạnh SHTT. Các cam kết về SHTT trong CPTPP được áp dụng cho tất cả các nước thành viên, trong đó có Việt Nam và Canada. Tuy nhiên, do là nước kém phát triển nhất trong CPTPP, Việt Nam được hưởng một số linh hoạt về lộ trình thực hiện.

Về nội dung, các cam kết về SHTT trong CPTPP bao gồm 04 nhóm chủ yếu, cụ thể:

- **Nhóm cam kết chung:** Nhóm này bao gồm các cam kết về việc gia nhập các Công ước về SHTT được liệt kê (Việt Nam được hưởng lộ trình gia nhập muộn hơn 2-3 năm tùy Công ước); về các nguyên tắc chung như đối xử quốc gia, minh bạch; và về các vấn đề khác như hợp tác giữa các nước CPTPP trong bảo vệ quyền SHTT.
- **Nhóm các cam kết về các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT:** CPTPP bao gồm các cam kết về tiêu chuẩn bảo hộ đối với từng loại loại tài sản SHTT như nhãn hiệu thương mại, sáng chế, quyền tác giả và quyền liên quan, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý... Các tiêu chuẩn của CPTPP dựa trên và trong nhiều trường hợp là cao hơn so với các tiêu chuẩn tương ứng của Hiệp định về các khía cạnh thương mại của quyền SHTT của WTO (TRIPS).
- **Nhóm các cam kết về một số sản phẩm SHTT đặc thù:** Bên cạnh các tiêu chuẩn chung đối với các nhóm tài sản SHTT, CPTPP còn bao gồm các cam kết riêng về tiêu chuẩn áp dụng đối với một số loại sản phẩm SHTT đặc thù như dược phẩm, nông hóa phẩm, giống cây trồng, các vấn đề SHTT thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin (tín hiệu vệ tinh, các công cụ bảo mật, trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng...).
- **Nhóm các cam kết liên quan tới việc thực thi các quyền SHTT:** Nhóm này bao gồm các cam kết về cách thức thực thi bảo vệ các quyền SHTT theo hướng tăng cường các hành động thực thi và bảo hộ các quyền SHTT và xử lý nghiêm khắc hơn các vi phạm quyền SHTT so với TRIPS.

Theo nguyên tắc đối xử tối huệ quốc (MFN) gần như tuyệt đối trong Hiệp định TRIPS của WTO, hầu như tất cả các cam kết SHTT trong CPTPP không chỉ áp dụng giữa các đối tác CPTPP mà áp dụng chung cho tất cả các thành viên WTO. Đây là điểm khác biệt giữa cam kết SHTT với phần lớn các cam kết khác trong CPTPP (chỉ áp dụng với đối tác CPTPP). Và đây cũng chính là lý do mà các cam kết tiêu chuẩn cao về SHTT dự kiến sẽ tác động tới tất cả các doanh nghiệp liên quan, dù có tham gia vào quá trình trao đổi thương mại với các nước CPTPP hay không.

Ngoại trừ các bảo lưu riêng, các cam kết trong Chương SHTT của CPTPP áp dụng chung cho tất cả các nước thành viên CPTPP, trong đó có Việt Nam và Canada. Các nước CPTPP có thể áp dụng mức độ bảo hộ SHTT cao hơn cam kết CPTPP, nhưng trong mọi trường hợp không thể thấp hơn mức trong cam kết CPTPP.

Dưới đây là tóm tắt một số nội dung chính trong cam kết SHTT của CPTPP, cùng với các bảo lưu riêng của Việt Nam (chủ yếu là bảo lưu lộ trình áp dụng), đối với một số loại hình SHTT dự kiến sẽ có tác động nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ở Việt Nam:

Nhãn hiệu thương mại

- **Đối tượng bảo hộ:** Ngoài các đối tượng truyền thống mà pháp luật Việt Nam đang bảo hộ (như chữ, ký hiệu, từ ngữ, hình ảnh), CPTPP còn mở rộng ra cả *âm thanh*, và khuyến khích các nước bảo hộ cả *mùi*; đối với tất cả các đối tượng được bảo hộ, không bắt buộc phải “nhìn thấy được”. Về việc phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại dưới hình thức âm thanh, Việt Nam chỉ phải thực hiện nghĩa vụ này sau 3 năm kể từ ngày CPTPP có hiệu lực.
- **Thời gian bảo hộ:** CPTPP yêu cầu các nước Thành viên phải bảo hộ nhãn hiệu thương mại tối thiểu là 10 năm, và có thể được gia hạn nhiều lần, tương tự như pháp luật Việt Nam hiện hành.
- **Quyền của chủ sở hữu:** Chủ thể này có đặc quyền ngăn cản các chủ thể khác sử dụng các dấu hiệu (bao gồm cả chỉ dẫn địa lý có sau) giống hệt hoặc tương tự cho các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc gắn với loại hàng hóa, dịch vụ đã đăng ký nhãn hiệu của mình nếu việc sử dụng này có thể gây ra nhầm lẫn (dấu hiệu trùng được suy đoán đương nhiên là “có thể gây nhầm lẫn”). Tuy nhiên, CPTPP vẫn cho phép việc các chủ thể khác sử dụng các thuật ngữ mô tả có trong nhãn hiệu đã được bảo hộ nếu việc sử dụng đó là ngay tình, và có tính đến lợi ích của chủ nhãn hiệu và các bên thứ ba.

Sáng chế

- **Tiêu chí bảo hộ:** i) Tất cả các sáng tạo, dù là sản phẩm hay quy trình, trong tất cả các lĩnh vực, nếu mới, có tính sáng tạo và có khả năng áp dụng công nghiệp thì đều có thể được bảo hộ dưới dạng sáng chế; ii) Có yêu cầu về “ân hạn” cho tiêu chí về tính mới, theo đó các nước thành viên cam kết phải bảo hộ cho sáng tạo đã công bố công khai (tức là không còn tính mới) nếu việc công bố đó là do chính chủ thể nộp đơn xin bảo hộ thực hiện hoặc nếu là do người khác thì người đó đã lấy thông tin công bố từ chính chủ thể nộp đơn, và nếu việc công bố đó thực hiện trong vòng 12 tháng liền trước thời điểm nộp đơn đăng ký (gọi là “giai đoạn ân hạn” cho tính “mới” của sáng chế).
- **Đối tượng được bảo hộ:** Các đối tượng bị loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ là các phương pháp phòng ngừa, chẩn đoán, chữa bệnh cho người và động vật; động vật không phải vi sinh vật, quy trình sản xuất động thực vật trừ quy trình sinh học hoặc vi sinh. Ngoài ra, một nước Thành viên có thể loại trừ khỏi phạm vi bảo hộ các đối tượng nhất định nếu việc ngăn chặn khai thác thương mại trên lãnh thổ nước mình các đối tượng này là cần thiết để bảo vệ trật tự công cộng hoặc đạo đức, bao gồm cả việc bảo vệ sức khỏe, tính mạng động thực vật hoặc để tránh những thiệt hại đáng kể đối với thiên nhiên, môi trường. Các quy định này tương tự như Hiệp định TRIPS của WTO.

Chỉ dẫn địa lý

Chỉ dẫn địa lý, hiểu đơn giản là các chỉ dẫn về sản phẩm đặc trưng có nguồn gốc từ một khu vực địa lý hay vùng lãnh thổ nhất định (chủ yếu là các sản phẩm nông sản, rượu, thực phẩm...). Các chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ chỉ được phép sử dụng cho các sản phẩm trong vùng/khu vực địa lý đó. Sản phẩm tương tự nhưng có nguồn gốc ở khu vực địa lý khác sẽ không được mang chỉ dẫn này. Ví dụ nếu chỉ dẫn địa lý Xoài cát Hòa Lộc được bảo hộ thì quả xoài từ cây có giống xoài cát Hòa Lộc nhưng được trồng ở bất kỳ nơi nào khác ngoài xã Hòa Lộc (Cái Bè, Tiền Giang) sẽ không được mang tên “xoài cát Hòa Lộc”.

Trong CPTPP, cam kết về chỉ dẫn địa lý có 02 nội dung đáng chú ý sau:

- **Về cơ chế bảo hộ:** Các nước CPTPP có thể lựa chọn bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo cơ chế riêng hoặc bảo hộ theo cơ chế chung với nhãn hiệu thương mại.
Trên thực tế Việt Nam đã và đang bảo hộ chỉ dẫn địa lý theo cơ chế riêng, không trùng với cơ chế bảo hộ nhãn hiệu thương mại.
- **Về quyền ưu tiên:** Trường hợp có nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một chỉ dẫn địa lý mà nhãn hiệu lại được bảo hộ trước (đã đăng ký trước hoặc đã trở nên nổi tiếng trước), mặc dù chỉ dẫn địa lý vẫn được bảo hộ nhưng quyền của chủ nhãn hiệu sẽ được ưu tiên hơn.

Độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm

Nông hóa phẩm là các sản phẩm có chứa hóa chất phục vụ nông nghiệp, như thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, các loại hóa chất vệ sinh chuồng trại...

Cam kết SHTT đặc thù nhất trong CPTPP đối với nông hóa phẩm là cam kết về thời hạn bảo hộ đối với kết quả thử nghiệm và các dữ liệu khác về tính an toàn/hiệu quả của nông hóa phẩm chưa công khai được xuất trình khi đăng ký lưu hành nông hóa phẩm (còn gọi là cam kết về “Độc quyền dữ liệu”).

Cụ thể, cam kết này bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Nếu người nộp đơn xin phép lưu hành một nông hóa phẩm mới phải cung cấp các kết quả thử nghiệm/dữ liệu khác chưa công bố về mức độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm thì trong vòng 10 năm sau đó, cơ quan cấp phép sẽ không được dựa trên các thông tin này để cho phép người khác lưu hành nông hóa phẩm cùng loại/tương tự trừ khi được người đã cung cấp thông tin đồng ý;
- Cam kết tương tự với trường hợp cấp phép lưu hành nông hóa phẩm dựa trên bằng chứng về việc đã được cấp phép lưu hành trên thị trường nước ngoài.

Cam kết này có hiệu lực ngay khi CPTPP có hiệu lực. Tuy nhiên, trong các Thư song phương với các đối tác, liên quan tới cam kết này, các nước thành viên CPTPP, trong đó có Canada, cam kết sẽ không kiện Việt Nam theo cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Chính phủ của CPTPP (cơ chế nêu tại Chương 28 CPTPP) trong vòng 05 năm sau năm thứ 05 kể từ khi Hiệp định CPTPP có hiệu lực. Nói cách khác Việt Nam có 10 năm để chuẩn bị cho việc thực thi nghĩa vụ này.

Cam kết về độc quyền dữ liệu đối với nông hóa phẩm có thể dẫn đến một số tác động đáng chú ý:

- Tạo ra lợi thế lớn cho các chủ thể lần đầu đưa ra dữ liệu thử nghiệm khi đăng ký lưu hành nông hóa phẩm (bởi trong vòng 10 năm sau đó, không ai được tự động sử dụng dữ liệu thử nghiệm đó nữa dù có thể dữ liệu thử nghiệm đó công khai, đáng tin cậy, và việc thử nghiệm lại cũng chỉ cho kết quả tương tự);
- Hạn chế khả năng đăng ký lưu hành với sản phẩm tương tự, qua đó khiến giá của nông hóa phẩm đã lưu hành ít có khả năng giảm (do ít cạnh tranh).

Các yêu cầu của CPTPP về thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ?

Một trong những nội dung đáng lưu ý về SHTT trong CPTPP là vấn đề thực thi bảo hộ các quyền SHTT. Đây là vấn đề được cho là khá lợi lỏng trong WTO và nhiều FTA trước đây, và bị thắt chặt trong Hiệp định này.

Cụ thể, CPTPP đặt ra các yêu cầu mới, chi tiết về 05 nhóm vấn đề liên quan tới thực thi bảo hộ quyền SHTT sau:

i Các cam kết về nguyên tắc chung liên quan tới thực thi quyền SHTT

Nhóm này bao gồm các nguyên tắc chung liên quan tới việc thực thi như phải thiết lập hệ thống pháp luật về các biện pháp xử lý hành vi vi phạm SHTT, hay phải đảm bảo triển khai các biện pháp thực thi một cách công bằng, thủ tục đơn giản, nhanh chóng, ít tốn kém, không tạo ra rào cản đối với thương mại và có cách thức để hạn chế lạm dụng.

Tuy nhiên, các nước CPTPP vẫn có quyền tự chủ trong việc xác định cách thức thực hiện các biện pháp thực thi và bảo hộ quyền SHTT này (theo hệ thống riêng hay dùng hệ thống tổ tụng chung).

ii Các cam kết cụ thể liên quan tới thủ tục thực thi quyền SHTT

Nhóm này bao gồm các cam kết liên quan tới một số vấn đề cụ thể trong thực thi bảo hộ quyền SHTT, ví dụ:

1 Yêu cầu chung về công khai, minh bạch:

CPTPP yêu cầu rằng các phán quyết/quyết định thực thi về SHTT có giá trị áp dụng chung phải bằng văn bản, nêu rõ các căn cứ thực tế và lập luận pháp lý, phải được công khai cho công chúng...

2 Các biện pháp thực thi SHTT tại biên giới:

Các biện pháp thực thi tại biên giới trong CPTPP ràng buộc trách nhiệm của Nhà nước và chủ thể quyền trong hành động bảo vệ nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan tại biên giới, bao gồm:

- Phải cho phép các chủ thể quyền được yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tại biên giới (ví dụ cơ quan hải quan) dừng thông quan, thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm và phải có thủ tục với thời hạn hợp lý để cơ quan có thẩm quyền xem xét xác định hàng hóa bị nghi ngờ có thực sự vi phạm SHTT không;
- Chủ thể yêu cầu đình chỉ thông quan hoặc thu giữ sản phẩm nghi ngờ vi phạm phải cung cấp bằng chứng chứng minh thích hợp và các thông tin mà chủ thể này biết để giúp cơ quan có thẩm quyền xác định/nhận diện được sản phẩm vi phạm, phải nộp một khoản tiền bảo đảm/bảo chứng đủ để bảo vệ bên bị ngăn chặn và cơ quan có thẩm quyền...;
- Các cơ quan có thẩm quyền tại biên giới phải có thẩm quyền tự khởi xướng các biện pháp thực thi tại biên giới đối với hàng hóa nhập khẩu (không có lộ trình riêng cho Việt Nam), hàng hóa xuất khẩu (lộ trình thực hiện của Việt Nam là 3 năm), hàng hóa quá cảnh (lộ trình 2 năm) nghi ngờ có vi phạm; quyền ra kết luận vi phạm và xử lý tiêu hủy sản phẩm vi phạm kể cả đối với các lô hàng nhỏ (chỉ không bắt buộc đối với trường hợp hành lý phi thương mại của hành khách).

3 Yêu cầu về biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục dân sự/hành chính:

CPTPP quy định một số các nguyên tắc cụ thể liên quan tới thủ tục tố tụng hành chính hoặc tư pháp để bảo vệ quyền SHTT. Ví dụ:

- Chủ sở hữu quyền phải được phép kiện ra Tòa để yêu cầu thi hành các quyền SHTT;
- Các Tòa án phải có quyền yêu cầu chủ thể bị cáo buộc vi phạm phải cung cấp thông tin/bằng chứng vi phạm mà họ đang kiểm soát cho chủ thể quyền hoặc Tòa án; quyền ban hành các lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để ngăn chặn hàng hóa vi phạm SHTT đưa vào lưu thông thương mại và quyết định buộc bồi thường thiệt hại cho chủ sở hữu...;
- Phải có những quy định cụ thể liên quan tới việc bồi thường thiệt hại cho chủ thể quyền (cách thức xác định các mức bồi thường, các hình thức bồi thường có thể áp dụng...);
- Phải tuân thủ một số quy tắc tố tụng dân sự/hành chính riêng đối với nhãn hiệu thương mại, quyền tác giả và các quyền liên quan, ví dụ: *quy tắc suy đoán về quyền* (người có tên trên sản phẩm được suy đoán là chủ sở hữu quyền tác giả và quyền liên quan; nhãn hiệu thương mại đã đăng ký được suy đoán là có giá trị pháp lý...); *quy tắc về tính toán mức thiệt hại* phải bồi thường (trong đó đáng chú ý là mức bồi thường phải bao gồm cả lợi nhuận mà bên vi phạm thu được từ việc vi phạm); *quy tắc bắt buộc tiêu hủy sản phẩm vi phạm* mà không có bồi thường nếu chủ sở hữu quyền có yêu cầu...

④ Các biện pháp xử lý vi phạm theo thủ tục hình sự

CPTPP đưa ra các yêu cầu cụ thể về các trường hợp vi phạm SHTT bắt buộc phải xử lý hình sự cùng với các điều kiện kèm theo. Đây là cam kết được coi là có tính cứng rắn nhất nhằm thực thi bảo hộ các quyền SHTT trong các FTA từ trước tới nay.

LƯU Ý VỚI DOANH NGHIỆP

Mặc dù các tiêu chuẩn bảo hộ SHTT trong pháp luật Việt Nam thời gian qua cơ bản đã phù hợp với Hiệp định TRIPS của WTO, và do đó khá tương đồng với mặt bằng chung về bảo hộ SHTT trên thế giới, vấn đề thực thi bảo hộ các quyền này trên thực tế còn nhiều bất cập. Nguyên nhân có thể là do các cơ chế thực thi chưa đủ mạnh để ngăn chặn, phát hiện hành vi vi phạm, các biện pháp bồi thường chưa đủ lớn để khuyến khích chủ sở hữu quyền tự bảo vệ quyền, hoặc các biện pháp xử lý vi phạm chưa đủ nghiêm khắc...

Thực tế này cũng khiến cho hiện tượng vi phạm SHTT đôi khi phổ biến, và các chủ thể vi phạm SHTT ít quan tâm tới hệ quả của các hành vi vi phạm.

Khi CPTPP có hiệu lực, hệ thống pháp luật về thực thi SHTT của Việt Nam sẽ buộc phải thay đổi theo các cam kết trong CPTPP, với nhiều yêu cầu chi tiết về cơ chế, cách thức, các quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quá trình thực thi... Do đó, doanh nghiệp và người dân sử dụng các sản phẩm SHTT cần thay đổi hành vi tương ứng, để tránh việc vi phạm và phải chịu các biện pháp xử phạt nghiêm khắc về SHTT.

Các cam kết CPTPP về Phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ)?

Các biện pháp phòng vệ thương mại (bao gồm chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) là những công cụ có thể tạo ra rào cản đối với luồng hàng hóa nhập khẩu (thông qua việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ và sau đó áp dụng biện pháp thuế bổ sung/hạn chế nhập khẩu). Đây là các biện pháp mà WTO cho phép nước nhập khẩu được sử dụng để đối phó với tình trạng hàng nhập khẩu từ nước ngoài bán phá giá, được trợ cấp hoặc nhập khẩu ồ ạt vào nước mình gây thiệt hại đáng kể hoặc nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước. Tuy nhiên, WTO yêu cầu các nước nhập khẩu khi điều tra và áp dụng các biện pháp này phải tuân thủ những điều kiện, yêu cầu cũng như các trình tự, thủ tục nhất định.

Canada là nước sử dụng khá phổ biến công cụ phòng vệ thương mại. Tính từ 01/01/1995 (thời điểm thành lập WTO), Canada đã khởi xướng điều tra tổng cộng 253 vụ chống bán phá giá, 73 vụ chống trợ cấp và 4 vụ tự vệ (thống kê đến 31/12/2020). Còn Việt Nam trong những năm gần đây cũng bắt đầu sử dụng các biện pháp này, với tổng cộng 21 vụ điều tra phòng vệ thương mại tính đến hết năm 2020.

Chương Phòng vệ thương mại của CPTPP không yêu cầu các nước phải xoá bỏ hoặc hạn chế sử dụng các biện pháp này. CPTPP vẫn ghi nhận quyền của các nước thành viên trong việc áp dụng các biện pháp này trong khuôn khổ các nguyên tắc của WTO. Tuy nhiên so với WTO, CPTPP đi xa hơn thông qua việc tăng cường một số yêu cầu về minh bạch hoá thông tin, sử dụng tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng công bằng bình đẳng, có cơ chế hợp tác, giải quyết tranh chấp...

TỰ VỆ

CPTPP nhắc lại các nguyên tắc của Hiệp định về biện pháp tự vệ của WTO. Đồng thời, tương tự như nhiều FTA khác, CPTPP cũng bổ sung thêm một quy trình tự vệ riêng bên cạnh quy trình tự vệ chung theo WTO, đồng thời có cam kết bổ sung về ngoại lệ đối với quy trình tự vệ chung của WTO. Cụ thể, theo CPTPP, các nước có thể duy trì 02 nhóm biện pháp tự vệ, bao gồm tự vệ toàn cầu (tự vệ theo WTO như trước nay vẫn áp dụng, cộng với ngoại lệ riêng của CPTPP) và tự vệ trong thời gian chuyển đổi (tự vệ riêng của CPTPP) như dưới đây:

i Tự vệ toàn cầu

Theo WTO, các nước được phép áp dụng các biện pháp tự vệ sau khi điều tra và xác định có hiện tượng một loại hàng hóa nhập khẩu tăng đột biến, gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất nội địa nước mình. Biện pháp tự vệ này thường được áp dụng dưới dạng một khoản thuế bổ sung, hạn ngạch thuế quan hoặc hạn chế lượng nhập khẩu đối với hàng hóa liên quan. Về phạm vi, theo quy định của WTO, biện pháp tự vệ phải được áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các nước thành viên WTO. Do đó biện pháp này còn gọi là Tự vệ toàn cầu.

Với cam kết CPTPP, một nước CPTPP khi áp dụng biện pháp tự vệ toàn cầu có thể loại trừ các sản phẩm có xuất xứ CPTPP được nhập khẩu theo diện áp dụng hạn ngạch thuế quan mà nước thành viên CPTPP đã cam kết trong Phụ lục A thuộc Phụ lục 2-D của nước đó trong CPTPP. Điều kiện để thực hiện loại trừ là việc nhập khẩu các hàng hoá này không phải là nguyên nhân gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đối với ngành sản xuất nội địa của nước đó. Nói cách khác, CPTPP tạo ra một ngoại lệ về phạm vi áp dụng đối với các biện pháp tự vệ toàn cầu theo WTO.

ii Tự vệ trong thời gian chuyển đổi

Theo cam kết CPTPP, một nước thành viên được phép tiến hành điều tra và áp dụng biện pháp tự vệ chỉ đối với hàng hoá của một hoặc nhiều nước thành viên CPTPP khác trong thời gian chuyển đổi (là khoảng thời gian 3 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực hoặc dài hơn tùy thuộc vào lộ trình cắt giảm thuế của hàng hoá bị áp dụng), nếu việc cắt giảm thuế quan trong CPTPP đối với hàng hoá đó dẫn đến lượng nhập khẩu gia tăng đột biến và gây ra thiệt hại nghiêm trọng đối với ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu.

- *Các biện pháp tự vệ có thể áp dụng* trong trường hợp này là i) Ngừng cắt giảm thuế quan theo lộ trình cắt giảm thuế quan đối với sản phẩm bị áp dụng, hoặc ii) Tăng thuế quan của sản phẩm bị áp dụng lên mức thuế MFN;
- *Thời gian áp dụng biện pháp tự vệ này* là không quá 02 năm, có thể được gia hạn thêm 01 năm trong trường hợp cần thiết;
- *Thông báo và tham vấn*: Trong quá trình điều tra để áp dụng biện pháp tự vệ theo dạng này, nước điều tra phải thông báo bằng văn bản cho nước bị điều tra về việc khởi xướng điều tra, đưa ra quyết định về thiệt hại, quyết định áp dụng hoặc gia hạn biện pháp tự vệ, quyết định sửa đổi biện pháp tự vệ;
- *Đền bù*: Nước áp dụng biện pháp tự vệ theo dạng này phải đền bù cho các Nước bị áp dụng cho những thiệt hại từ việc bị áp dụng biện pháp tự vệ đó. Hai Bên sẽ thống nhất với nhau về mức đền bù; nếu không thống nhất được thì Bên bị áp dụng biện pháp tự vệ có thể chủ động đình chỉ việc thực hiện một số cam kết CPTPP dành cho Bên kia ở mức lợi ích tương đương.

CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ, CHỐNG TRỢ CẤP

Khác với biện pháp tự vệ, liên quan tới biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp, CPTPP không có cam kết về cơ chế nào mới đối với các biện pháp này mà chỉ khẳng định lại các nguyên tắc của WTO về vấn đề này (Hiệp định về chống bán phá giá và Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO).

Ngoài ra, CPTPP bổ sung một số cam kết mới về hợp tác, ghi nhận một số thông lệ tốt về minh bạch và quy trình điều tra, áp dụng các biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp. Các thông lệ này mang tính khuyến nghị và nếu nước nào không tuân thủ thì các nước khác cũng không thể kiện theo Cơ chế giải quyết tranh chấp cấp Nhà nước của CPTPP được.

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

02

TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ CPTPP
ĐỂ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TỪ
CANADA VÀO VIỆT NAM

Đặc điểm thị trường hàng hóa Việt Nam

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Việt Nam là một nước đang phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế thuộc hàng cao nhất trong khu vực và thế giới. Tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2011-2019 là 6,3%.

Năm 2020, mặc dù nền kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19, nhưng GDP của Việt Nam vẫn tăng trưởng dương 2,91%, đạt 268,4 tỷ USD. Trong khi nhiều nước trên thế giới có tăng trưởng GDP âm, con số này cho thấy Việt Nam đã thành công trong việc kiểm soát dịch bệnh và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

Việt Nam đang trong giai đoạn chuyển đổi nền kinh tế từ nông nghiệp lạc hậu sang công nghiệp hiện đại. Đồng thời, Việt Nam cũng là một nền kinh tế định hướng xuất khẩu, với vai trò của xuất khẩu ngày càng quan trọng trong tổng sản phẩm quốc nội. Do đó, nhu cầu đối với máy móc, trang thiết bị hiện đại và nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, xuất khẩu và xây dựng ngày càng gia tăng.

Với tổng dân số gần 100 triệu dân và thu nhập bình quân khoảng 2,7 nghìn USD/người năm 2020, Việt Nam đang trở thành một thị trường tiêu dùng rộng lớn và tiềm năng với hàng hóa tiêu dùng nước ngoài. Là một quốc gia có dân số trẻ (khoảng 70% dân số dưới 35 tuổi), nhu cầu tiêu dùng của người Việt Nam cũng khá đa dạng và nắm bắt nhanh chóng với các xu hướng tiêu dùng mới, hiện đại. Tầng lớp trung lưu của Việt Nam đang hình thành với khoảng 13% dân số hiện tại và dự kiến sẽ gia tăng chiếm khoảng 1/3 dân số vào năm 2026. Tầng lớp này có tập quán mua sắm hiện đại và nhu cầu cao đối với các sản phẩm chất lượng.

NHU CẦU ĐỐI VỚI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

Việt Nam có 3 mặt giáp biển nên rất thuận tiện cho các hoạt động thương mại xuất nhập khẩu. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tăng liên tục trong những năm qua, đạt 254 tỷ USD năm 2019, tăng 7% so với năm 2018. Năm 2020, mặc dù bị tác động nặng nề bởi đại dịch COVID-19 khiến nhu cầu tiêu dùng và sản xuất sụt giảm, nhưng nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của Việt Nam vẫn tăng 3,33%.

Nhập khẩu nhằm hai mục đích chính:

- *Nhập khẩu máy móc thiết bị và nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất và xuất khẩu:* Đây là nhóm hàng nhập khẩu chính của Việt Nam, chiếm tới 91% tổng kim ngạch nhập khẩu năm 2019. Trong đó khoảng một nửa là nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận tải và phụ tùng chiếm 44,1%, nửa còn lại là nhóm nguyên nhiên vật liệu;
- *Nhập khẩu hàng tiêu dùng phục vụ tiêu dùng trong nước:* Nhóm hàng này chiếm khoảng 9% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, trong đó chủ yếu là ô tô, điện thoại, rau quả, thực phẩm chế biến, dược phẩm, hóa mỹ phẩm...

BẢNG

10 nhóm sản phẩm Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất năm 2019

STT	Sản phẩm	Giá trị (tỷ USD)	Tỷ trọng
1	Điện tử, máy tính và linh kiện	51,6	20,3%
2	Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng	36,6	14,4%
3	Nguyên liệu dệt may, giày dép	24,2	9,5%
4	Điện thoại và linh kiện	14,7	5,8%
5	Xăng, dầu, khí đốt	11,4	4,5%
6	Hóa chất và sản phẩm hóa chất	10,5	4,1%
7	Sắt thép	9,5	3,7%
8	Phương tiện vận tải	9,4	3,7%
9	Chất dẻo	9,0	3,6%
10	Gỗ, giấy	4,3	1,7%

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2019

Các kênh nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam và đặc điểm?

Các nhà xuất khẩu của Canada có thể tiếp cận thị trường Việt Nam qua các kênh sau:

- **Qua đối tác nhập khẩu Việt Nam:** Đối tác nhập khẩu có thể là các đơn vị mua hàng để sử dụng trực tiếp (chủ yếu đối với các hàng hóa là nguyên nhiên liệu), hoặc đại lý trung gian nhập khẩu hàng hóa rồi phân phối lại cho các cửa hàng, siêu thị, các công ty, đơn vị sản xuất kinh doanh có nhu cầu (chủ yếu đối với hàng hóa là máy móc thiết bị hoặc hàng tiêu dùng). Đây là hình thức nhập khẩu phổ biến vào thị trường Việt Nam.

Để xuất khẩu theo hình thức này thì nhà cung cấp hàng hóa Canada phải tìm hiểu hệ thống phân phối tại Việt Nam đối với hàng hóa của mình và tìm kiếm các nhà nhập khẩu tiềm năng cũng như đặc điểm và nhu cầu của họ. Các nhà nhập khẩu Việt Nam thường quan tâm cao về giá cả. Họ thường tìm hiểu và so sánh giá của các nguồn nhập khẩu khác nhau trước khi quyết định mua hàng. Tuy nhiên, do người mua hàng Việt Nam ngày càng có nhu cầu cao đối với sản phẩm chất lượng (để phục vụ sản xuất xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của thị trường nhập khẩu, hoặc để tiêu dùng cá nhân) nên chất lượng cũng là một yếu tố quan trọng trong quyết định mua hàng. Trong việc xem xét chất lượng hàng hóa thì yếu tố nguồn gốc của sản phẩm rất được coi trọng. Các sản phẩm được sản xuất hoặc có thương hiệu từ các quốc gia phát triển sẽ được yêu thích hơn.

- **Qua hiện diện thương mại tại Việt Nam:** Công ty của Canada thiết lập một hiện diện thương mại tại Việt Nam để thực hiện chức năng nhập khẩu hàng hóa trực tiếp từ Canada và phân phối cho các đại lý, cửa hàng, hoặc người tiêu dùng Việt Nam. Hình thức này chủ yếu áp dụng đối với các công ty muốn xuất khẩu với số lượng lớn và phát triển lâu dài ở thị trường Việt Nam do thủ tục thành lập hiện diện thương mại sẽ mất thời gian và chi phí. Theo cam kết CPTPP, các công ty của Canada có thể thành lập liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài để nhập khẩu và phân phối hàng hóa (bán buôn, bán lẻ) tại Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam không cho phép các nhà phân phối Canada được phân phối 7 loại sản phẩm sau: Thuốc lá và xì gà; Ấn phẩm (sách, báo và tạp chí); Băng đĩa hình; Kim loại quý và đá quý; Thuốc và dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, con nhộng hoặc bột); Thuốc nổ; Dầu thô và dầu đã qua chế biến.

- **Qua biên giới:** Các nhà cung cấp hàng hóa Canada có thể bán trực tiếp (qua biên giới) cho người tiêu dùng Việt thông qua các phương thức thương mại điện tử. Hình thức này bắt đầu phổ biến ở Việt Nam khi các kênh thương mại điện tử lớn như Lazada, Tiki, Shopee.... bắt đầu bán hàng quốc tế cho phép người mua có thể mua hàng trực tiếp từ các nhà cung cấp nước ngoài và vận chuyển về Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam chỉ cho phép các nhà cung cấp hàng hóa của Canada bán hàng qua biên giới cho người tiêu dùng Việt Nam vì mục đích tiêu dùng cá nhân mà không mua để bán lại hoặc cho mục đích kinh doanh khác (trừ các chương trình phần mềm vi tính – có thể cho cả mục đích cá nhân và thương mại), và hàng hóa không thuộc các loại sau: Thuốc lá và xì gà; Ấn phẩm (sách, báo và tạp chí); Băng đĩa hình; Kim loại quý và đá quý; Thuốc và dược phẩm (không bao gồm các sản phẩm bổ dưỡng phi dược phẩm dưới dạng viên nén, con nhộng hoặc bột); Thuốc nổ; Dầu thô và dầu đã qua chế biến.

Mặc dù hình thức này đơn giản và tiết kiệm chi phí cho các nhà cung cấp hàng hóa Canada nhưng số lượng bán không được nhiều và chỉ áp dụng cho các sản phẩm tiêu dùng.

Đặc điểm người tiêu dùng Việt Nam

Thu nhập của người Việt tăng nhanh trong những năm gần đây nhưng vẫn chỉ ở mức trung bình so với khu vực và thấp so với thế giới, và đây là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng của người Việt Nam. Với 65% dân số ở nông thôn và chỉ 35% dân số thành thị, giá cả vẫn là yếu tố quan trọng trong quyết định mua sắm của người tiêu dùng Việt. Chính vì thế, hàng hóa nhập khẩu phổ biến trên thị trường Việt Nam vẫn là hàng Trung Quốc, các nước ASEAN và các nước châu Á khác với giá cả cạnh tranh và chi phí vận chuyển thấp (một yếu tố quan trọng giúp giảm giá thành sản phẩm).

Tuy nhiên, do tầng lớp trung lưu của Việt Nam đang ngày càng gia tăng cùng với tâm lý ưa chuộng hàng ngoại của người tiêu dùng Việt, các sản phẩm nhập khẩu chất lượng cao từ các nước châu Âu, châu Mỹ đang ngày càng được quan tâm. Sự phổ biến của internet, của thương mại điện tử cũng giúp người tiêu dùng ngày càng biết nhiều đến đến nhiều các sản phẩm có thương hiệu của nước ngoài hơn. Cùng với đó là việc Việt Nam mở cửa thị trường hàng hóa theo WTO và các FTA giúp giảm thuế quan đối với hàng hóa nước ngoài, sự phát triển của lĩnh vực vận tải, logistics giúp giảm chi phí vận chuyển...khiến cho hàng nhập khẩu từ các khu vực địa lý xa có thể dễ dàng tiếp cận thị trường hàng hóa Việt Nam hơn.

Người tiêu dùng Việt Nam cũng đang ngày càng “thông minh” và kỹ tính hơn trong việc mua sắm, đặc biệt đối với các sản phẩm giá thành cao. Thời đại internet và mạng xã hội phát triển khiến cho người tiêu dùng dễ dàng tiếp cận các thông tin về sản phẩm. Họ sẽ so sánh giá cả và đánh giá về sản phẩm trước khi quyết định mua hàng. Người Việt cũng thường rất quan tâm đến nguồn gốc của hàng hóa. Một số thị trường nhập khẩu được tin tưởng hơn về chất lượng so với các thị trường khác và so với hàng nội địa. Các mặt hàng người tiêu dùng Việt Nam đặc biệt quan tâm về chất lượng và thường ưa chuộng sản phẩm ngoại nhập từ các nước phát triển là: thực phẩm dành cho trẻ em, thực phẩm chức năng, thuốc và mỹ phẩm, một số hàng hóa xa xỉ (đồng hồ, trang sức, ô tô...)

Mặc dù các kênh mua sắm truyền thống vẫn phổ biến như chợ, siêu thị, các cửa hàng tạp hóa, trung tâm thương mại...nhưng người tiêu dùng Việt Nam đang ngày càng ưa chuộng và tiến tới tiêu dùng trực tuyến. Theo một khảo sát, hiện có tới 80% người tiêu dùng đã từng mua sắm trực tuyến. Các kênh mua sắm phổ biến là các sàn giao dịch thương mại điện tử lớn như Shopee, Lazada, Tiki, Sendo... Mua sắm trực tuyến qua các mạng xã hội cũng tương đối phổ biến như Facebook, Messenger, Zalo. Các mặt hàng mua sắm phổ biến nhất là thời trang, IT và mỹ phẩm.

Quy trình thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam

Quy trình thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam bao gồm các bước sau:

BƯỚC 1. CHUẨN BỊ NHẬP KHẨU

Xác định diện nhập khẩu của hàng hóa

Trước khi nhập khẩu hàng hoá, người nhập khẩu phải xác định được hàng hoá của mình thuộc loại nào để tiến hành đúng và đầy đủ các thủ tục cho việc nhập khẩu hàng hoá đó bởi không phải mọi loại hàng hóa đều có thể được nhập khẩu vào Việt Nam, và không phải tất cả hàng hóa đều áp dụng một cơ chế nhập khẩu như nhau. Vì vậy, nhà nhập khẩu cần xem xét kỹ lưỡng hàng hóa có thuộc một trong các diện dưới đây hay không:

- **Hàng hóa bị cấm nhập khẩu**

Một số hàng hóa không được phép nhập khẩu vào Việt Nam, như vũ khí, ma túy, hóa chất nguy hại, một số hàng hóa đã qua sử dụng... Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu được quy định trong Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

- **Hàng hóa phải xin cấp phép kiểm tra chuyên ngành**

Trước khi nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam, thương nhân cần xác định xem hàng hóa của mình có phải là hàng hóa thuộc diện phải xin cấp phép kiểm tra chuyên ngành hay không.

Ví dụ 1- Hàng hoá phải kiểm tra vệ sinh dịch tễ/kiểm dịch động thực vật: Một số hàng hoá như rau củ quả, thịt động vật, thủy sản... cần phải được kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc kiểm dịch động thực vật trước khi được lưu hành tại thị trường Việt Nam. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế, Bộ Công Thương và một số bộ chức năng khác là cơ quan quản lý nhà nước về những yêu cầu này (ban hành các tiêu chuẩn, quy định cũng như danh sách các sản phẩm thuộc diện kiểm tra).

Ví dụ 2 - Hàng hoá phải kiểm tra về tiêu chuẩn kỹ thuật: Một số hàng hoá như đồ điện tử, máy móc thiết bị, ô tô xe máy... phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam như tiêu chuẩn về nhãn mác, công năng, vận hành, an toàn, bảo vệ môi trường... Bộ Khoa học và Kỹ thuật, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương và một số bộ chức năng khác là cơ quan quản lý nhà nước về những yêu cầu này (ban hành các tiêu chuẩn, quy định cũng như danh sách các sản phẩm thuộc diện kiểm tra).

- **Hàng hóa phải có Giấy phép nhập khẩu, theo điều kiện**

Đối với một số loại sản phẩm, nhà nhập khẩu phải xin giấy phép nhập khẩu từ hoặc đáp ứng các điều kiện do bộ, ngành chức năng quy định.

Đối với giấy phép nhập khẩu, tùy loại hàng hóa có thể thuộc diện được cấp giấy phép nhập khẩu tự động hoặc không tự động.

Đối với các sản phẩm nhập khẩu theo điều kiện thì sản phẩm nhập khẩu phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện đối với sản phẩm đó nhưng doanh nghiệp nhập khẩu không cần phải xin giấy phép nhập khẩu.

Danh mục các sản phẩm nhập khẩu theo giấy phép, điều kiện được quy định trong Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.

Đăng ký/Xin cấp phép

- Cá nhân không thể trực tiếp nhập khẩu hàng hoá mà phải là một pháp nhân có đăng ký thành lập doanh nghiệp mới có thể thực hiện việc nhập khẩu. Đăng ký thành lập doanh nghiệp có thể thực hiện trực tuyến tại Cổng thông tin Quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (dangkykinhdoanh.gov.vn).

- Đăng ký sử dụng chữ ký số tại trang web của Tổng cục Hải quan tại: <https://www.customs.gov.vn/SitePages/DangKyDoanhNghiepSuDungChuKySo.aspx>
Chú ý, Chữ ký số phải được đăng ký trước tại một nhà cung cấp dịch vụ chữ ký số đã được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp phép. Sau khi có Chữ ký số thì doanh nghiệp đăng ký sử dụng Chữ ký số đó cho việc khai hải quan điện tử tại trang web của Tổng cục Hải quan.

- Đăng ký sử dụng Hệ thống Thông quan Tự động (VNACCS): Việc khai hải quan được thực hiện qua Hệ thống VNACCS. Để có thể sử dụng hệ thống này, người khai hải quan phải đăng ký sử dụng tại trang web của Tổng cục Hải quan, link: <https://dknsd.customs.gov.vn/Pages/dn.aspx>. Sau khi có tài khoản, người khai hải quan tải và cài đặt phần mềm đầu cuối để thực hiện khai hải quan điện tử.

Hiện tại, có hai loại phần mềm đầu cuối cho doanh nghiệp lựa chọn: phần mềm miễn phí do Tổng cục Hải quan cung cấp, và phần mềm của các công ty IT được Tổng cục Hải quan chấp nhận cung cấp.

- Đăng ký kiểm tra chuyên ngành đối với các hàng hoá thuộc diện kiểm tra chuyên ngành tại các cơ quan chức năng thuộc Bộ liên quan, ví dụ:
 - Bộ Y tế: kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng đối với một số sản phẩm thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...;
 - Bộ Giao thông vận tải: kiểm tra, đăng kiểm phương tiện giao thông, xe máy chuyên dụng;
 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: kiểm dịch động thực vật, thủy sản.
- Xin cấp giấy phép nhập khẩu tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền cấp giấy phép đối với trường hợp sản phẩm thuộc diện nhập khẩu theo giấy phép.

BƯỚC 2. XÁC ĐỊNH PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Xác định phân loại (HS) cho hàng hóa là một bước rất quan trọng để xác định thuế quan áp dụng đối với hàng hóa đó. Cần lưu ý là theo Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO), các nước sẽ áp đặt thống nhất đến 6 số đầu của một mã HS. Tuy nhiên việc áp đặt các số sau đó trong dãy số mã HS thuộc quyền quyết định riêng của mỗi nước, vì thế các số này có thể khác biệt giữa các nước. Trên thực tế, các nước thường có xu hướng quy định thêm 2 hoặc 4 số vào mã HS ngoài 06 số đầu chung (tạo thành mã HS 8 số, 10 số) phục vụ nhu cầu quản lý của riêng mình.

Việt Nam hiện áp dụng hệ thống HS chi tiết đến 8 số, còn Canada áp dụng hệ thống HS chi tiết đến 10 số. Khi hàng hóa Canada (được phân loại theo HS 10 số) nhập khẩu vào Việt Nam cần được xác định mã HS phù hợp theo hệ thống HS của Việt Nam (đang áp dụng 8 số). Tham khảo hệ thống HS của Việt Nam tại trang web của Tổng cục Hải quan link: <https://www.customs.gov.vn/SitePages/Tariff.aspx>

Nếu hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP thì ngay từ đầu khi khai báo trên C/O ưu đãi CPTPP phải ghi mã HS 8 số xác định theo hệ thống HS của Việt Nam. Theo quy định của CPTPP, nhà nhập khẩu Việt Nam hoặc nhà xuất khẩu/nhà sản xuất Canada có quyền gửi yêu cầu Hải quan Việt Nam xác định trước mã HS của hàng hóa của mình (thủ tục Advance Rulings) trước khi nhập khẩu hàng vào nước này. Như vậy, để bảo đảm chắc chắn về tính chính xác của mã HS của hàng hóa, tránh tranh cãi giữa doanh nghiệp và hải quan Việt Nam khi hàng hóa đến cảng, doanh nghiệp có thể gửi yêu cầu xác định trước mã hàng hóa tới Tổng cục Hải quan Việt Nam. Đơn đề nghị xác định trước mã số hàng hóa phải được thực hiện theo mẫu quy định và sẽ được trả lời trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đối với trường hợp thông thường, hoặc 60 ngày đối với trường hợp phức tạp cần xác minh làm rõ.

BƯỚC 3. XÁC ĐỊNH CÁC LOẠI THUẾ PHÍ PHẢI NỘP

Thuế nhập khẩu

Sau khi xác định được phân loại hàng hóa theo hệ thống HS của Việt Nam, nhà nhập khẩu có thể biết được mức thuế nhập khẩu áp dụng cho hàng hóa đó.

Đối với hàng Canada nhập khẩu vào Việt Nam, có 2 lựa chọn về thuế quan, mỗi lựa chọn tương ứng với một mức thuế và các điều kiện hưởng mức thuế nhất định. Nhà nhập khẩu sẽ căn cứ vào điều kiện cụ thể của hàng hóa để chọn thuế quan phù hợp và có lợi nhất cho mình. Cụ thể:

- i** *Thuế MFN*: Đây là mức thuế Việt Nam áp dụng đối với hàng hóa đến từ các nước thành viên WTO và phải tuân thủ cam kết WTO của Việt Nam. Hàng hóa Canada nhập khẩu vào Việt Nam được áp dụng thuế MFN mà không cần có điều kiện nào kèm theo.
- ii** *Thuế CPTPP*: Đây là mức thuế ưu đãi Việt Nam dành cho hàng hóa từ các thành viên CPTPP (đã phê chuẩn CPTPP). Mức thuế ưu đãi do Việt Nam quyết định nhưng không được thấp hơn mức đã cam kết trong CPTPP. Quy tắc xuất xứ để được hưởng mức thuế ưu đãi phải tuân thủ cam kết thống nhất trong CPTPP về quy tắc xuất xứ. Việt Nam và Canada đều là thành viên đã phê chuẩn CPTPP nên hàng hóa của Canada sang Việt Nam có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định nếu đáp ứng được quy tắc xuất xứ của Hiệp định.

Để xác định mức thuế CPTPP Việt Nam áp dụng đối với các sản phẩm của Canada, hàng năm, nhà nhập khẩu cần cập nhật các quy định hiện hành của Việt Nam về việc thực thi Hiệp định này. Hiện tại, Việt Nam đã ban hành Nghị định số 57/2019/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện CPTPP giai đoạn 2019 – 2022.

Thuế giá trị gia tăng

Đa số các sản phẩm hàng hóa nhập khẩu đều phải chịu thuế giá trị gia tăng (trừ một số loại hàng hóa đặc biệt). Mức thuế giá trị gia tăng thường là 10%, một số ít hàng hóa chỉ phải chịu mức thuế 5%.

Tuy nhiên, nếu sản phẩm nhập khẩu được sử dụng làm đầu vào cho sản xuất ra một loại hàng hóa khác thì số tiền thuế giá trị gia tăng đó sau này sẽ được khấu trừ hoàn thuế.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Một số hàng hóa nhập khẩu là đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như rượu bia, thuốc lá, ô tô...Mức thuế tiêu thụ đặc biệt khác nhau tùy thuộc vào loại hàng hóa áp dụng.

Thuế bảo vệ môi trường

Đây là loại thuế áp dụng đối với các sản phẩm hàng hóa mà khi sử dụng sẽ gây tác động xấu đến môi trường như xăng dầu, than đá, thuốc bảo vệ thực vật...

BƯỚC 4. KHAI VÀ TRUYỀN TỜ KHAI HẢI QUAN, NỘP THUẾ, VÀ THÔNG QUAN

Khai hải quan

Việc khai hải quan có thể chuẩn bị trước bằng cách điền sẵn các thông tin trên phần mềm khai hải quan điện tử. Tờ khai hải quan có thể nộp trước ngày hàng hóa tới cửa khẩu hoặc trong vòng 30 ngày từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu lên Hệ thống VNACCS. Sau khi tờ khai hải quan được truyền đi, Hệ thống sẽ tự động phân luồng:

- **Luồng xanh:** Nếu Hệ thống VNACCS phản hồi luồng Xanh, nhà nhập khẩu được miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ và hàng hóa.
- **Luồng vàng:** Nếu hệ thống gửi phản hồi luồng Vàng, người nhập khẩu phải nộp thêm các hồ sơ giấy sau để Hải quan kiểm tra:
 - Vận đơn;
 - Phiếu đóng gói hàng;
 - Tờ khai trị giá;
 - Hóa đơn;
 - Giấy phép nhập khẩu (đối với trường hợp hàng hóa thuộc diện phải có Giấy phép nhập khẩu);
 - Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc Giấy thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành (đối với các trường hợp hàng hóa thuộc diện kiểm tra chuyên ngành);
 - Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa CPTPP (đối với trường hợp hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP).
- **Luồng đỏ:** Nếu hệ thống phản hồi luồng Đỏ, người nhập khẩu sẽ phải nộp các hồ sơ như trong trường hợp Luồng vàng và xuất trình hàng hóa để cơ quan Hải quan kiểm tra thực tế.

Nộp thuế

Sau khi tờ khai đã được thông quan, người nhập khẩu phải nộp các loại thuế phí liên quan trước khi hàng hóa được thông quan.

Tình hình xuất khẩu hàng hóa nói chung của Canada?

Canada là nước xuất khẩu lớn thứ 12 thế giới năm 2019 với tổng giá trị xuất khẩu đạt 446,6 tỷ USD. Năm 2020, dưới tác động của đại dịch COVID-19, xuất khẩu của Canada sụt giảm đáng kể, nhưng vẫn tăng trưởng dương 1,5% trong 3 Quý đầu năm 2020.

Canada là đất nước giàu tài nguyên, với trữ lượng dầu lửa lớn thứ 2 thế giới, trữ lượng uranium cũng lớn thứ 2 thế giới và trữ lượng rừng lớn thứ ba thế giới. Do đó, nhiên liệu và gỗ/các sản phẩm gỗ là các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của nước này.

Canada cũng là một trong những nước đi đầu về khoa học công nghệ và trí tuệ nhân tạo. Do đó, nước này có một nền công nghiệp chế tạo khá phát triển, với nhiều sản phẩm thông minh, tiết kiệm nhiên liệu, thân thiện môi trường. Bên cạnh đó nước này cũng có thế mạnh sản xuất lắp ráp ô tô, chủ yếu là cho các hãng ô tô lớn của nước ngoài như Mỹ, Nhật Bản.

Bảng dưới đây liệt kê 10 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Canada năm 2019. Có thể thấy đây đều là nguyên nhiên liệu và các sản phẩm công nghiệp thế mạnh của Canada.

Mặc dù vậy, ngành nông nghiệp của Canada cũng rất phát triển và chủ yếu để xuất khẩu. Hiện tại Canada là nước xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp lớn thứ 5 thế giới. Các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu chính là: thịt lợn, thịt bò, đậu nành, lúa mì, dầu cải...

Nói chung, các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Canada khá đa dạng, từ các sản phẩm là tài nguyên thiên nhiên đến các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp. Đa số các sản phẩm này đều được đánh giá là có chất lượng cao, đa dạng về mẫu mã và hình thức...

BẢNG

Các mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Canada năm 2019

STT	Mặt hàng XK chính của Canada	Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng XK của Canada
1	Chương 27: Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bitum; các loại sáp khoáng chất	98.433	22%
2	Chương 87: Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng.	61.438	14%
3	Chương 84: Máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	34.774	8%
4	Chương 71: Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại	21.294	5%
5	Chương 85: Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	13.520	3%
6	Chương 39: Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa	12.696	3%
7	Chương 44: Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ	11.705	3%
8	Chương 88: Phương tiện bay, tàu vũ trụ, và các bộ phận của chúng	11.275	3%
9	Chương 26. Quặng, Xi và Tro	8.850	2%
10	Chương 30. Dược phẩm	8.451	2%

Nguồn: ITC TradeMap, 2021

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Tình hình xuất khẩu hàng hóa Canada sang Việt Nam?

Xuất khẩu hàng hóa của Canada sang Việt Nam năm 2019 là 748 triệu USD, chiếm 0,17% tổng xuất khẩu của Canada ra thế giới. Từ góc độ của Việt Nam, nhập khẩu từ Canada chỉ chiếm 0,34% thị phần nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ thế giới.

Mặc dù Canada không phải là một trong những thị trường nhập khẩu lớn của Việt Nam nhưng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ nước này đang tăng nhanh và liên tục trong những năm gần đây.

Cụ thể, trong giai đoạn 2010-2016 nhập khẩu từ Canada vào Việt Nam có xu hướng tăng nhưng không đáng kể, với kim ngạch nhập khẩu trung bình của cả giai đoạn là 398 triệu USD. Tuy nhiên sau giai đoạn này, nhập khẩu từ Canada bắt đầu tăng nhanh và mạnh, một phần do hiệu ứng từ triển vọng của TPP/CPTPP khi cả Việt Nam và Canada đều là thành viên. Kết quả là kim ngạch nhập khẩu trung bình hàng hóa Canada vào Việt Nam giai đoạn 2017-2020 đạt 806 triệu USD/năm, cao gấp đôi so với kim ngạch trung bình của giai đoạn 2010-2016.

Tính riêng trong 2 năm đầu tiên thực hiện CPTPP, nhập khẩu của Việt Nam từ Canada có chiều hướng giảm do nhiều nguyên nhân.

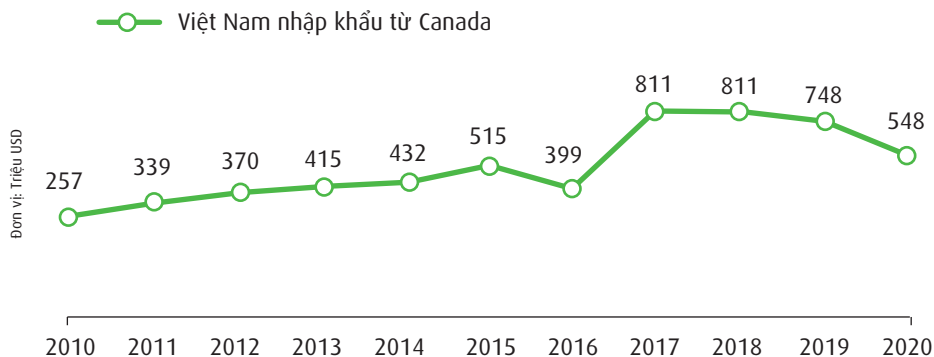
Năm 2019, dưới tác động của căng thẳng thương mại và những biến động từ thị trường thế giới, nhập khẩu của Việt Nam từ nhiều nước CPTPP đều giảm. Trong đó, kim ngạch nhập khẩu từ Canada năm 2019 là 748 triệu USD, giảm 8% so với năm 2018 là 811 triệu USD.

Đến năm 2020, mặc dù Việt Nam là một trong số ít các nước đã kiểm soát thành công dịch bệnh này nhưng tình trạng suy thoái kinh tế và sụt giảm thương mại toàn cầu nói chung cũng đã ảnh hưởng đáng kể tới Việt Nam. Hoạt động của doanh nghiệp cũng như thu nhập của người dân phải chịu những tác động bất lợi không nhỏ từ dịch bệnh này. Nhập khẩu từ Canada của Việt Nam năm 2020 cũng giảm mạnh - giảm 14% so với năm 2019 và chỉ đạt 726 triệu USD.

Trong một chừng mực nhất định, có thể nói giai đoạn 2 năm đầu thực hiện CPTPP, các tác động tích cực của Hiệp định tới nhập khẩu của Việt Nam từ Canada vẫn chưa thể bù đắp các ảnh hưởng tiêu cực từ chiến tranh thương mại và dịch bệnh toàn cầu.

HÌNH

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá Canada của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020



Nguồn: ITC TradeMap, 2021

Các sản phẩm Việt Nam nhập khẩu từ Canada chủ yếu là nguyên nhiên liệu và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất xuất khẩu như dầu mỏ, ngũ cốc, phân bón, hạt đậu, nguyên liệu gỗ, thủy sản, sắt thép, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị cơ khí... Các sản phẩm này là các sản phẩm xuất khẩu thế mạnh của Canada và cũng là những sản phẩm Việt Nam có nhu cầu cao nhằm phục vụ cho tiêu dùng, sản xuất và xuất khẩu.

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

BẢNG

Các sản phẩm nhập khẩu lớn nhất từ Canada của Việt Nam

Sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2019 (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng nhập khẩu của Việt Nam từ thế giới	Top 5 nước xuất khẩu lớn nhất mặt hàng này sang Việt Nam
Chương 27: Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bitum; các loại sáp khoáng chất	209	1,34%	Kuwait, Hàn Quốc, Trung Quốc, Australia, Malaysia,
Chương 10: Ngũ cốc	102	3,25%	Argentina, Brazil, Australia, Nga, Canada
Chương 12: Hạt đậu và quả có dầu; các loại ngũ cốc, hạt và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rom, rạ và cỏ khô	68	6,82%	Mỹ, Brazil, Ấn Độ, Trung Quốc, Canada
Chương 85: Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	61	0,08%	Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Mỹ
Chương 03: Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	50	3,16%	Na Uy, Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Indonesia

Sản phẩm	Giá trị nhập khẩu năm 2019 (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng nhập khẩu của Việt Nam từ thế giới	Top 5 nước xuất khẩu lớn nhất mặt hàng này sang Việt Nam
Chương 23: Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến	50	1,36%	Argentina, Mỹ, Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ
Chương 47: Sản phẩm làm từ rơm, cỏ giấy hoặc từ các loại vật liệu tết bện khác; các sản phẩm bằng liễu gai và song mây	35	5,36%	Mỹ, Nhật Bản, Indonesia, Canada, Italy
Chương 31: Phân bón	30	2,91%	Trung Quốc, Nga, Belarus, Indonesia, Lào
Chương 44: Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ	25	1,22%	Trung Quốc, Mỹ, Cameroon, Thái Lan, Chile
Chương 84: Máy và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	23	0,098%	Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan

Nguồn: ITC TradeMap, 2021

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Các đối thủ cạnh tranh chính của hàng hóa Canada tại Việt Nam

Các đối thủ cạnh tranh chính của các mặt hàng xuất khẩu của Canada tại thị trường Việt Nam là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, và một số nước ASEAN. Các đối thủ này là các thị trường nhập khẩu truyền thống của Việt Nam vì:

- Có vị trí địa lý gần Việt Nam hơn so với Canada nên chi phí vận chuyển thấp giúp giá thành cạnh tranh hơn;
- Đã có FTA có hiệu lực từ lâu với Việt Nam nên hàng hóa đã được miễn hoặc giảm thuế quan so với các nước chưa có FTA với Việt Nam như Canada trước khi CPTPP có hiệu lực;
- Có nhiều sản phẩm giá cả phải chăng hơn các thị trường nhập khẩu phát triển như Canada.

Tuy nhiên, các doanh nghiệp Việt Nam đang có xu hướng chuyển sang các thị trường nhập khẩu mới nhằm:

- *Đa dạng hóa thị trường:* việc quá phụ thuộc vào một vài thị trường nhất định sẽ khiến doanh nghiệp bị thiệt hại nặng nề khi có biến động bất lợi tại thị trường đó;
- *Đa dạng hóa chủng loại hàng hóa:* việc mở rộng các thị trường nhập khẩu sẽ giúp doanh nghiệp đa dạng hóa sản phẩm, tìm kiếm các sản phẩm chất lượng cao hơn mà giá cả phải chăng để giúp người tiêu dùng có thêm lựa chọn;
- *Tối ưu hóa chi phí đầu vào, tăng năng suất:* Các doanh nghiệp Việt Nam đang tìm kiếm các thị trường mới có nguồn nhiên liệu dồi dào, có nguồn công nghệ cao, máy móc thiết bị hiện đại nhằm nhập khẩu nguyên nhiên liệu và máy móc phục vụ sản xuất nhằm tối ưu hóa chi phí đầu vào và tăng năng suất.

Vì vậy, các đối tác FTA mới của Việt Nam với lợi thế giàu tài nguyên và công nghệ hiện đại như Canada sẽ được các nhà nhập khẩu Việt Nam quan tâm nhiều hơn trong thời gian tới.

BẢNG

Các FTA và đối tác FTA của Việt Nam

STT	FTA	Thời gian	Đối tác
FTA đã có hiệu lực			
1	AFTA	Có hiệu lực từ 1993	ASEAN
2	ACFTA	Có hiệu lực từ 2003	ASEAN, Trung Quốc
3	AKFTA	Có hiệu lực từ 2007	ASEAN, Hàn Quốc
4	AJCEP	Có hiệu lực từ 2008	ASEAN, Nhật Bản
5	VJPEA	Có hiệu lực từ 2009	Việt Nam, Nhật Bản
6	AIFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Ấn Độ
7	AANZFTA	Có hiệu lực từ 2010	ASEAN, Australie, New Zealand
8	VCFTA	Có hiệu lực từ 2014	Việt Nam, Chi Lê
9	VKFTA	Có hiệu lực từ 2015	Việt Nam, Hàn Quốc
10	Việt Nam – EAEU FTA	Có hiệu lực từ 2016	Việt Nam, Nga, Belarus, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan
11	CPTPP	Có hiệu lực từ 2019	Việt Nam, Canada, Mexico, Peru, Chi Lê, New Zealand, Úc, Nhật Bản, Singapore, Brunei, Malaysia
12	AHKFTA	Có hiệu lực từ 2019	ASEAN, Hồng Kông (Trung Quốc)
13	EVFTA	Có hiệu lực từ 01/08/2020	Việt Nam, EU (27 thành viên)
14	UKVFTA	Ký ngày 29/12/2020 Áp dụng tạm thời từ 01/01/2021	Việt Nam, Vương Quốc Anh

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

STT	FTA	Thời gian	Đối tác
FTA sắp có hiệu lực			
15	RCEP	Ký ngày 15/11/2020	ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Australia, New Zealand
FTA đang đàm phán			
16	VN – EFTA FTA	Khởi động đàm phán tháng 05/2012	Việt Nam, EFTA (Thụy Sĩ, Na Uy, Iceland, Liechtenstein)
17	VN – Israel FTA	Khởi động đàm phán tháng 12/2015	Việt Nam, Israel

Các lợi thế và bất lợi của hàng hóa Canada tại Việt Nam

LỢI THẾ

Việt Nam là thị trường lớn và nhu cầu đối với hàng hóa (nguyên liệu, thành phẩm) chất lượng ngày càng gia tăng:

- Việt Nam một trong những thị trường tiêu dùng lớn nhất châu Á (dân số đứng thứ 3 Đông Nam Á và thứ 16 thế giới theo số liệu năm 2020);
- Thu nhập của người dân đang tăng nhanh (từ năm 2012 đến nay thu nhập hộ gia đình tăng lên gần 40%), từ đó khả năng và nhu cầu chi tiêu tiêu dùng cũng tăng đáng kể, đặc biệt là đối với hàng hóa chất lượng cao đến từ các nước phát triển như Canada (đến năm 2020 tầng lớp trung lưu của Việt Nam là khoảng 30 triệu người);
- Đa số người Việt (80 - 90%) khẳng định nguồn gốc của hàng hóa là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của họ so với các yếu tố khác. Đặc biệt đối với thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm chăm sóc cơ thể, người Việt có xu hướng ưa chuộng hàng hóa chất lượng cao, hàng nhập khẩu, đặc biệt từ nguồn các nước phát triển:
 - *Thực phẩm*: hàng cao cấp đóng góp 20% doanh số của ngành thực phẩm, với tốc độ tăng trưởng trung bình khoảng 11%/năm;
 - *Đồ uống*: đồ uống cao cấp dù chỉ đóng góp 3% vào tổng doanh số nhưng mức tăng trưởng trung bình đạt đến khoảng 103%/năm;
 - *Hàng chăm sóc cơ thể*: hàng cao cấp chiếm khoảng 23%, với mức tăng trưởng hàng năm khoảng 22%.
- Với tốc độ tăng trưởng mạnh của sản xuất, xuất khẩu, nhu cầu đối với máy móc thiết bị và nguyên liệu phục vụ sản xuất của Việt Nam ngày càng gia tăng. Các ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như điện tử, dệt may, giày dép, thủy sản, đồ gỗ... đều là những ngành nhập khẩu lượng lớn nguyên liệu và máy móc thiết bị và công nghệ của nước ngoài. Do yêu cầu của các thị trường xuất khẩu của Việt Nam ngày càng khắt khe hơn đòi hỏi nguồn đầu vào trong sản xuất phải ngày càng chất lượng hơn, dẫn đến nhu cầu đặc biệt cao đối với các khu vực nhập khẩu có công nghệ nguồn, công nghệ xanh, sạch, chất lượng;
- Để đáp ứng QTXC CPTPP về hàm lượng giá trị nội khối, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải tìm kiếm các nguồn nhập khẩu từ khu vực CPTPP trong đó có Canada.

Trong khi đó, Canada:

- Là một trong những nước phát triển cao với hàng hóa chất lượng tốt và mẫu mã đẹp, nhiều thương hiệu nổi tiếng được người tiêu dùng trên thế giới ưa chuộng;
- Giàu tài nguyên thiên nhiên, là một trong những nước xuất khẩu nguyên nhiên liệu lớn nhất thế giới, trong đó có những nguyên nhiên liệu mà Việt Nam có nhu cầu cao như: gỗ, thủy sản, xăng dầu, sắt thép...;
- Có thể mạnh sản xuất nhiều loại máy móc thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất, đi tiên phong trong nhiều lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ xanh, sạch...

Do đó, nhu cầu đối với hàng hóa từ nước này được dự kiến sẽ tăng cao khi được giảm thuế nhờ CPTPP giúp giảm giá thành khi bán tại thị trường Việt Nam.

BẤT LỢI:

- Do khoảng cách địa lý nên chi phí vận chuyển từ Canada sang Việt Nam cao dẫn đến đội giá thành lên cao. Tuy nhiên, với sự phát triển của vận tải và logistics, các chi phí vận chuyển từ Canada sang Việt Nam trong thời gian tới có thể sẽ được tiết giảm. Hơn nữa, việc cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa từ Canada theo CPTPP cũng giúp giá hàng hóa của Canada cạnh tranh hơn so với nhiều đối thủ cạnh tranh khác không có FTA với Việt Nam;
- Nhiều hàng hóa Canada có chất lượng tốt nhưng thương hiệu chưa phổ biến ở Việt Nam và chưa được biết đến nhiều như hàng Nhật Bản, châu Âu, Mỹ... nên người tiêu dùng chưa sẵn sàng chi trả cao để mua hàng Canada. Mặc dù vậy, với sự phát triển của internet và sự gia tăng của cộng đồng người Việt học tập và sinh sống tại Canada sẽ giúp tăng cường quảng bá và giới thiệu các sản phẩm của nước này đến người tiêu dùng Việt Nam nhiều hơn.

Trong bối cảnh COVID-19, nhập khẩu hàng hóa từ Canada và Việt Nam có thể có bất lợi nhất định. Dưới ảnh hưởng của dịch bệnh, thu nhập của người tiêu dùng Việt Nam đã số bị giảm sút, nhu cầu đối với sản phẩm có giá thành tương đối cao thì Canada có thể sẽ hạn chế hơn.

Tuy nhiên, ở một góc độ khác, hàng hóa Canada vẫn có lợi thế nhất định trong hoàn cảnh này. Hoạt động vận tải hàng hóa chiểu từ Canada vào Việt Nam ít bị ảnh hưởng bởi tình trạng “đội chi phí” do thiếu container hay thiếu tàu hơn. Hàng hóa Canada lại có lợi thế hơn hàng hóa từ các khu vực lân cận (như Hoa Kỳ, Mỹ Latinh) do được hưởng ưu đãi CPTPP.

Cơ hội từ CPTPP cho nhập khẩu hàng hóa từ Canada?

- **Cơ hội từ cắt giảm thuế quan:** Hiện tại Việt Nam đang duy trì các mức thuế MFN khá cao đối với hàng hóa của Canada. Trong khi đó, cam kết trong CPTPP của Việt Nam đối với cắt giảm thuế quan là tương đối mạnh, mạnh hơn nhiều so với một số FTA trước đây của Việt Nam. Do đó, hàng hóa của Canada vào Việt Nam sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP, qua đó giảm giá thành sản phẩm, bù đắp được các chi phí vận chuyển cao từ nước này sang Việt Nam, và có lợi thế cạnh tranh so với nhiều hàng hóa từ các đối thủ cạnh tranh khác.
- **Cơ hội từ các rào cản phi thuế quan được tinh giảm:** Trong CPTPP, Việt Nam có nhiều cam kết liên quan đến cải cách hải quan và thuận lợi hóa thương mại, áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, các biện pháp kỹ thuật đối với thương mại... tuân thủ các quy tắc và tiêu chuẩn của CPTPP.

Các sản phẩm nhập khẩu thường là đối tượng chịu nhiều thủ tục hành chính bất cập, đặc biệt là các thủ tục hải quan phức tạp tại Việt Nam. Trong thời gian qua Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong cắt giảm các thủ tục hành chính, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống hải quan nhưng vẫn chưa được như kỳ vọng. Vì vậy, việc thực hiện CPTPP được kỳ vọng giúp Việt Nam cải tổ mạnh mẽ hơn nữa các thủ tục hành chính, thủ tục hải quan tạo thuận lợi hơn cho hoạt động nhập khẩu hàng hóa, trong đó có hàng hóa Canada, cho các nhà nhập khẩu Việt Nam.

- **Cơ hội từ cắt giảm chi phí do môi trường kinh doanh, pháp lý được cải thiện:** các cam kết về thể chế, về minh bạch hóa, về cạnh tranh, về chống tham nhũng... của Việt Nam trong CPTPP sẽ giúp môi trường kinh doanh, môi trường pháp lý của Việt Nam ngày càng thuận lợi hơn, cắt giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp.

Làm thế nào để nhập khẩu hiệu quả hàng hóa từ Canada tận dụng cơ hội từ CPTPP?

Để tận dụng các cơ hội từ CPTPP, các doanh nghiệp nhập khẩu cần chú ý một số vấn đề sau:

CÁC CHÚ Ý VỀ THUẾ QUAN:

Các cam kết về cắt giảm thuế quan của Việt Nam cho hàng hóa của Canada trong CPTPP là rất đáng kể. Tuy nhiên, việc cắt giảm này là có lộ trình, doanh nghiệp cần chú ý theo dõi các quy định của Việt Nam thực hiện cam kết thuế quan trong CPTPP để biết được lộ trình cắt giảm thuế quan cụ thể cho hàng hóa của mình và tận dụng.

Hơn nữa, cần chú ý là nhiều sản phẩm mà Canada đã áp thuế MFN 0% hoặc rất thấp nhưng lại không yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ xem sản phẩm của mình có mức thuế MFN hiện tại như thế nào, chỉ khi thuế CPTPP tốt hơn nhiều so với MFN thì mới phải nghiên cứu để đáp ứng quy tắc xuất xứ của CPTPP, còn nếu không thì áp dụng MFN như bình thường.

CÁC CHÚ Ý VỀ QUY TẮC XUẤT XỨ (QTXX):

Các QTXX của CPTPP có nhiều điểm khác biệt so với các FTA khác như cách tính hàm lượng giá trị khu vực (RVC), nguyên tắc cộng gộp, nguyên tắc De Minimis, thủ tục chứng nhận xuất xứ (tự chứng nhận xuất xứ)... Do đó, cần nghiên cứu đầy đủ các nội dung này để thực hiện cho đúng.

CÁC CHÚ Ý VỀ QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU:

Quy định và quy trình nhập khẩu hàng hóa từ Canada cũng giống như nhập khẩu từ các nước khác, ngoại trừ nếu hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP thì phải có chứng nhận xuất xứ CPTPP. Tuy nhiên, các quy định này có thể thay đổi theo từng thời điểm nên các doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật để tuân thủ cho đúng.

Các quy định về quy trình thủ tục, giấy tờ nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam được quy định chi tiết tại Cổng thông tin thương mại của Việt Nam lại đường link: <https://www.vietnamtradeportal.gov.vn/index.php?r=site/display&id=795>

CÁC CHÚ Ý VỀ QUẢNG BÁ SẢN PHẨM CANADA ĐẾN CÁC DOANH NGHIỆP, NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT NAM:

Nhiều sản phẩm của Canada có chất lượng, mẫu mã tốt nhưng chưa được các doanh nghiệp nhập khẩu, người tiêu dùng Việt Nam biết đến. Do đó, cần phải có các chiến lược quảng bá, giới thiệu sản phẩm của Canada đến người mua hàng của Việt Nam. Các hình thức quảng bá sản phẩm có thể là thông qua các hội chợ, triển lãm, quảng cáo qua mạng xã hội... Người tiêu dùng Việt Nam ngày càng quan tâm đến chất lượng sản phẩm, thương hiệu sản phẩm, uy tín của người bán hàng, các chính sách bảo hành và hậu mãi... Do đó, việc tăng cường quảng bá tập trung vào chất lượng và uy tín của sản phẩm từ Canada có thể là một phương thức hiệu quả để tiếp cận người dùng Việt Nam.

CÁC CHÚ Ý VỀ CẮT GIẢM GIÁ THÀNH:

Các sản phẩm của Canada nhìn chung thường có giá cao hơn sản phẩm từ các thị trường nhập khẩu truyền thống khác của Việt Nam, cộng thêm chi phí vận chuyển do khoảng cách địa lý xa giữa hai nước. Tuy nhiên, nếu sản phẩm được nhập khẩu với khối lượng lớn, sử dụng các hình thức vận chuyển tiết kiệm (ví dụ thay vì vận chuyển bằng hàng không thì vận chuyển bằng đường biển), cải thiện khả năng bảo quản hàng hóa khi vận chuyển xa... thì có thể giúp giảm giá thành sản phẩm. Do đó, tăng cường quảng bá sản phẩm để tăng khối lượng nhập khẩu, tìm các phương pháp vận chuyển tối ưu sẽ có thể giúp giảm giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh cho hàng hóa của Canada.

TÌM KIẾM THÔNG TIN, HỖ TRỢ TỪ CHÍNH PHỦ, CÁC HIỆP HỘI NGÀNH HÀNG:

Để tăng cường tận dụng lợi ích từ CPTPP, trong thời gian tới chính phủ và các hiệp hội ngành hàng, các đơn vị xúc tiến... sẽ có nhiều hoạt động nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tăng cường xuất, nhập khẩu với các nước thành viên CPTPP. Các doanh nghiệp nhập khẩu của Việt Nam có thể tận dụng các hoạt động hỗ trợ này để được tìm hiểu thông tin, tư vấn về các cam kết CPTPP, về kết nối với các nhà sản xuất, xuất khẩu Canada, về quảng bá sản phẩm Canada với người tiêu dùng Việt Nam...

TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ CPTPP ĐỂ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA TỪ CANADA VÀO VIỆT NAM

Làm thế nào để nhập khẩu hiệu quả hàng hóa từ Canada tận dụng cơ hội từ CPTPP?

03

TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ CPTPP
ĐỂ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA
VIỆT NAM SANG CANADA

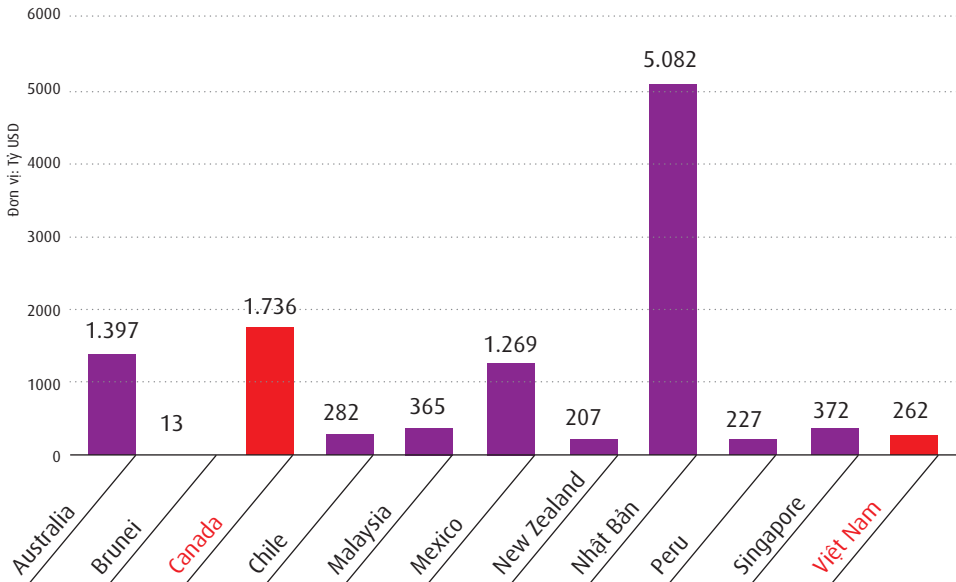
Thị trường Canada có những đặc điểm gì đáng lưu ý đối với các nhà xuất khẩu Việt Nam?

QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Canada là một thị trường lớn với tổng GDP năm 2019 đạt hơn 1,736 nghìn tỷ USD (đứng thứ 10 thế giới, đứng thứ 2 trong CPTPP sau Nhật Bản (5,081 nghìn tỷ USD)). Canada có quy mô dân số tương đối nhỏ, chỉ khoảng 37,6 triệu người (đứng thứ 39 thế giới), nhưng có thu nhập cao trong nhóm các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), với tổng thu nhập bình quân đầu người của Canada năm 2019 đạt khoảng 46.290 USD/năm (đứng thứ 18 thế giới).

HÌNH

So sánh GDP của Canada với các nước trong CPTPP năm 2019



Nguồn: World Trade Indicator, Ngân hàng Thế giới (WB), 2021

Canada có một nền kinh tế phát triển khá ổn định, trong giai đoạn 2015-2019, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của nước này là 1,7%, tỷ lệ lạm phát trung bình là 1,67% và tỷ lệ thất nghiệp trung bình 6,33%.

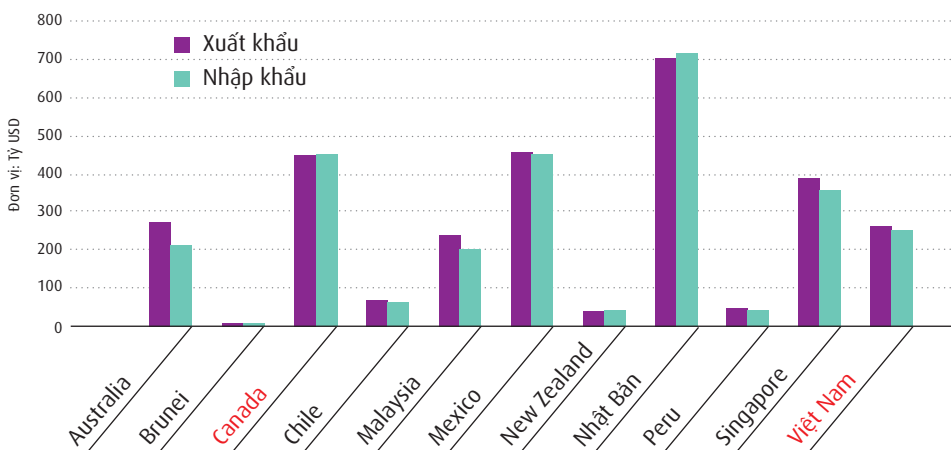
Canada có 2 ngôn ngữ chính thức là tiếng Anh và tiếng Pháp. Tuy nhiên, tiếng Anh được sử dụng phổ biến hơn, do đó rất thuận lợi cho việc giao thương quốc tế.

Là nước có diện tích lớn thứ 2 thế giới và nằm ở cực bắc của Bắc Mỹ, Canada có 3 mặt giáp biển với lãnh thổ trải dài từ Đại Tây Dương (phía Đông) sang Thái Bình Dương (phía Tây) và giáp Bắc Băng Dương (Phía Bắc), thuận tiện cho hoạt động logistics.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2019 của Canada là 900 tỷ USD trong đó xuất khẩu đạt 447 tỷ USD còn nhập khẩu đạt 453 tỷ USD (nhập siêu). Trong số các thành viên CPTPP, Canada có tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đứng thứ 3 sau Nhật Bản và Mexico.

HÌNH

So sánh kim ngạch XNK của Canada với các nước trong CPTPP năm 2019



Nguồn: ITC TradeMap, 2021

Canada có một nền nông nghiệp phát triển hiện đại và là một trong những quốc gia sản xuất và xuất khẩu nông sản lớn nhất thế giới. Các sản phẩm nông nghiệp chính của Canada là ngũ cốc, hạt có dầu, thịt, trứng, sữa, hoa quả ôn và hàn đới. Do đó nước này nhập khẩu không nhiều các sản phẩm nông nghiệp (chủ yếu là nông sản nhiệt đới), các sản phẩm nhập khẩu chính của Canada là sản phẩm công nghiệp (đặc biệt là phương tiện vận tải, nhiên liệu và các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất).

BẢNG

Các sản phẩm nhập khẩu chính của Canada năm 2019

STT	Mặt hàng nhập khẩu (NK) chính của Canada	Kim ngạch NK năm 2019 (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng NK
1	Chương 87: Xe trừ phương tiện chạy trên đường sắt hoặc đường tàu điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng.	74.437	16%
2	Chương 84: Máy móc, thiết bị cơ khí, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi; các bộ phận của chúng	69.214	15%
3	Chương 85: Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	44.165	10%
4	Chương 27: Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi-tum; các loại sáp khoáng chất	33.231	7%
5	Chương 39: Plastic và các sản phẩm bằng plastic	16.359	4%
6	Chương 30: Dược phẩm	13.857	3%
7	Chương 90: Dụng cụ và thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng	12.642	3%
8	Chương 71: Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại	10.330	2%
9	Chương 73: Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	10.325	2%
10	Chương 94: Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội thất tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển để tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép	9.606	2%

Nguồn: Trade Map ITC, 2021

Đặc điểm tiêu dùng của người Canada?

Hơn một nửa người tiêu dùng Canada (54%) có độ tuổi từ 24 đến 65, trong đó khoảng 29% là người trẻ và 17% là người lớn tuổi. Dân số sống ở thành phố chiếm tỷ lệ cao (82%) và tập trung chủ yếu ở phía Nam, gần biên giới với Mỹ.

Người tiêu dùng Canada có thói quen mua sắm nhiều và đa dạng, hầu hết mua sắm một lượng lớn hàng hóa và dịch vụ ngoài những nhu cầu cơ bản. Việc mua sắm thường được thực hiện tại các trung tâm thương mại, các khu vực bán lẻ và nhà bán lẻ lớn. Các cửa hàng lân cận (neighbourhood malls) không còn phổ biến. Niềm tin của người tiêu dùng Canada thường xuyên ở mức tương đối cao, nhưng từ giữa năm 2018 bắt đầu giảm nhẹ, một phần do căng thẳng thương mại Canada – Mỹ.

Các sản phẩm, dịch vụ mua sắm chủ yếu của người Canada trừ nhà ở, điện nước, ga và nhiên liệu khác là phương tiện vận chuyển, tạp hóa, thực phẩm và đồ uống (Bảng Các sản phẩm, dịch vụ tiêu dùng phổ biến của người tiêu dùng Canada).

Người tiêu dùng Canada không quá bảo thủ, họ sẵn sàng thử các sản phẩm mới. Theo một khảo sát, khoảng 50% số người tiêu dùng cho biết họ sẵn sàng mua thử sản phẩm từ một thương hiệu không quen thuộc nếu thấy giá tốt hơn, và khoảng 80% số người tiêu dùng nói họ thích thử sản phẩm mới của một thương hiệu quen thuộc.

BẢNG

Các sản phẩm, dịch vụ tiêu dùng phổ biến của người tiêu dùng Canada

Sản phẩm/dịch vụ tiêu dùng	Tỷ trọng trong tổng chi phí mua sắm của người tiêu dùng
Nhà ở, điện nước, ga và nhiên liệu khác	24,1%
Phương tiện vận chuyển	15,7%
Tạp hóa	14,2%
Thực phẩm và đồ uống	9,1%
Văn hóa và giải trí	8,1%
Nhà hàng và khách sạn	7,2%
Nội thất, thiết bị gia dụng và bảo trì nhà cửa thường xuyên	5,5%

Sản phẩm/dịch vụ tiêu dùng	Tỷ trọng trong tổng chi phí mua sắm của người tiêu dùng
Sức khỏe	4,4%
Quần áo giày dép	4,1%
Đồ uống có cồn, thuốc lá và chất gây nghiện	3,3%
Truyền thông	2,6%
Giáo dục	1,7%

Về *phương thức mua sắm*, mặc dù mua sắm trực tuyến tại Canada ngày càng gia tăng, người tiêu dùng Canada vẫn thích đến các cửa hàng. Do đó, mô hình kết hợp hiện đang phổ biến: người tiêu dùng thường lựa chọn xem hàng trực tuyến nhưng mua tại cửa hàng hoặc đặt hàng trực tuyến rồi lấy tại cửa hàng.

Người tiêu dùng Canada đa dạng về chủng tộc. Hiện tại số người nhập cư tại Canada chiếm khoảng 20% dân số, trong đó gần một nửa là người gốc châu Á và số này tăng nhanh trong những năm gần đây. Lượng dân số này cũng ảnh hưởng tới thói quen tiêu dùng của người Canada, đặc biệt liên quan tới thực phẩm – với nhóm dân cư này thì hàng nhập khẩu được coi là hấp dẫn hơn hàng trong nước.

Về *xu hướng tiêu dùng*, người Canada ngày càng quan tâm đến tiêu dùng bền vững. Họ hướng tới tiêu dùng các sản phẩm có tính nhân văn hoặc sản phẩm hữu cơ, sản phẩm tự nhiên, đặc biệt là đối với thực phẩm và quần áo.

Các phương tiện quảng cáo và truyền thông qua mạng xã hội đang ngày càng ảnh hưởng tới xu hướng tiêu dùng. Ví dụ các bình luận trên các nền tảng mạng xã hội có thể tác động đáng kể đến quyết định mua sắm của một bộ phận người tiêu dùng Canada.

Đặc điểm hệ thống phân phối của Canada?

VỀ CÁC KÊNH PHÂN PHỐI

Tại Canada, hàng hóa chủ yếu được bán thông qua hệ thống siêu thị và cửa hàng lớn, các cửa hàng tiện lợi đã không còn thịnh hành, hiện chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ.

BẢNG

Các loại hình phân phối hàng hóa tại Canada

Loại hình	Tỷ lệ
Siêu thị và các cửa hàng dạng truyền thống	58%
Các cửa hàng lớn gồm nhiều người bán	20%
Các cửa hàng độc lập và đặc biệt	7%
Cửa hàng thuốc và hóa mỹ phẩm	9%
Cửa hàng tiện lợi và trạm xăng	3%

Nguồn: Santandertrade, 2019

Các loại hình phân phối trên có thể tồn tại cả hai hình thức: cửa hàng truyền thống và cửa hàng trực tuyến, trong đó, hình thức trực tuyến ngày càng phát triển.

Các kênh thương mại điện tử lớn nhất hiện tại của Canada là: Amazon Canada, eBay Canada, Walmart Canada, Best Buy Canada, Canadian Tire, Costco Canada, Home Depot Canada.... Các nhà cung cấp hàng hóa nước ngoài có thể thông qua các kênh thương mại điện tử này để bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng Canada (hình thức bán hàng qua biên giới).

BẢNG

Hệ thống phân phối của Canada

Loại hình	Hàng hóa	Địa điểm	Các thương hiệu phổ biến
Siêu thị, chợ thực phẩm, cửa hàng tạp hóa truyền thống, cửa hàng tiện lợi	Thực phẩm và phi thực phẩm	Hầu như khắp mọi nơi Nhiều hơn ở các thị trấn lớn	Metro, Maxi, Walmart
Đại siêu thị chuyên về một loại hình sản phẩm	Đồ trang trí, văn hóa phẩm, thiết bị điện, điện tử, đồ chơi, phụ tùng ô tô, vật tư văn phòng...	Thường nằm ở ngoại ô các thị trấn	Home Dépot Chapters Forzani Group Forzani - Sport Expert The Brick Future Shop, Best Buy Toy's r us Canadian Tire Staples
Cửa hàng bách hóa	Nhiều loại hàng hóa	Thường nằm ở các trung tâm thành phố hoặc trung tâm mua sắm	Sears, La Baie, Wal Mart
Cửa hàng giảm giá	Chủ yếu quần áo và giày dép		Winners
Cửa hàng nhỏ	Tiệm bánh, tiệm thịt/cá, tiệm rau quả, tiệm hoa...	Hầu như mọi nơi	
Cash & Carry	Nhiều sản phẩm		Costco
Chuỗi mua sắm đặc biệt	Dược phẩm, Dệt may, Các sản phẩm chăm sóc cá nhân nhỏ		Jean Coutu Fabricville Fabricland Centre du Rasoir - Personal Edge

Nguồn: Santandertrade, 2019

VỀ KÊNH NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

Hàng hóa nhập khẩu vào Canada được thực hiện theo 2 kênh chủ yếu sau:

- Trực tiếp từ nhà xuất khẩu đến nhà nhập khẩu
- Gián tiếp qua trung gian (các công ty thương mại)

Mỗi nhóm hàng hóa có thể có hình thức/kênh nhập khẩu phổ biến khác nhau.

BẢNG

Các hình thức nhập khẩu phổ biến của Canada theo loại hàng hóa

Loại hàng hóa	Hình thức phân phối
Các thiết bị công nghiệp lớn	Thường được nhập khẩu trực tiếp bởi người tiêu dùng cuối cùng
Các thiết bị nhỏ và vật tư công nghiệp	Thường được nhập khẩu bởi các nhà bán buôn, các nhà phân phối độc quyền hoặc các chi nhánh bán hàng của nhà sản xuất.
Hàng tiêu dùng	Thường được mua trực tiếp bởi các nhà bán buôn Canada, các cửa hàng bách hóa, các nhà đặt hàng qua thư, các chuỗi cửa hàng, các hợp tác xã thu mua hàng, các cửa hàng chuyên về một dòng sản phẩm. Các nhóm này có thể có các đại lý thu mua ở các nước sở tại để mua hàng hóa rồi nhập về Canada.

Danh sách các nhà nhập khẩu lớn của Canada có thể được tìm thấy tại:
<https://www.ic.gc.ca/eic/site/cid-dic.nsf/eng/home>

Quy trình và thủ tục nhập khẩu hàng hóa vào Canada?

Quy trình và thủ tục nhập khẩu vào Canada được thông tin chi tiết tại trang web của Cơ quan Dịch vụ Biên giới Canada - CBSA (<https://www.cbsa-asfc.gc.ca>) tại đường link: <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/import/guide-eng.html>.

(Chú ý các đường dẫn/link được nêu trong mục này chỉ để tham khảo, có thể bị thay đổi - Trong mọi trường hợp doanh nghiệp có thể vào trang web của CBSA để tìm kiếm)

Các bước nhập khẩu một hàng hóa:

BƯỚC 1: CHUẨN BỊ NHẬP KHẨU

Đăng ký tài khoản nhập khẩu:

Để nhập khẩu hàng hóa điện thương mại vào Canada, Nhà nhập khẩu (doanh nghiệp hoặc cá nhân) phải đăng ký một Mã số kinh doanh (Business Number) – mã số này gắn với tài khoản nhập khẩu của Nhà nhập khẩu.

Mã số kinh doanh được đăng ký tại Cơ quan Doanh thu Canada (Canada Revenue Agency – CRA). Việc đăng ký này là miễn phí và có thể thực hiện xong trong vòng vài phút.

Xác định diện nhập khẩu của hàng hóa:

Không phải hàng hóa nào cũng được phép nhập khẩu vào Canada, cũng không phải hàng hóa được nhập khẩu nào cũng thực hiện chung một cơ chế nhập khẩu. Do đó, Nhà nhập khẩu cần xác định rõ:

- *Hàng hóa có thuộc diện bị cấm nhập khẩu không?*

Một số loại hàng hóa bị cấm nhập khẩu vào Canada. Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu vào Canada quy định tại đây: <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/publications/dm-md/d9-eng.html>

- *Hàng hóa có thuộc diện bị kiểm soát đặc thù (kiểm tra chuyên ngành, giấy phép nhập khẩu...) không?*

Trong khi đa số các hàng hóa được nhập khẩu tự do vào Canada (chỉ thông qua thủ tục hải quan), một số loại hàng hóa bị đặt vào các cơ chế kiểm soát nhập khẩu đặc thù (thủ tục kiểm soát bổ sung bên cạnh thủ tục hải quan thông thường). Các cơ chế kiểm tra đặc thù này xuất phát từ các lý do khác nhau gắn với đặc tính của

hàng hóa (ví dụ do hàng hóa có thể ảnh hưởng tới sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng; có rủi ro về kỹ thuật; có thể ảnh hưởng tới các lợi ích công cộng...). Do đó Nhà nhập khẩu cần xác định loại hàng hóa của mình có thuộc diện bị kiểm soát chặt không, và các biện pháp kiểm soát quy định đối với hàng hóa đó như thế nào.

Về danh mục hàng hóa thuộc diện kiểm soát đặc thù và cơ chế kiểm soát tương ứng với mỗi loại hàng hóa đó, danh mục này có thể tìm thấy tại trang web của CBSA <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/publications/dm-md/d19-eng.html>.

Ngoài ra, trong một số trường hợp, hàng hóa nhập khẩu còn phải tuân thủ các cơ chế quản lý riêng theo từng thời kỳ (ví dụ quản lý về các biện pháp phòng vệ thương mại, quản lý về ghi nhãn xuất xứ, quản lý về lưu thông nội địa...). Danh mục các trường hợp như vậy được cập nhật tại các đường dẫn tương ứng nêu trên trang web của CBSA.

Về thẩm quyền quản lý, các Cơ quan chuyên ngành (ví dụ y tế, môi trường, kỹ thuật...) có thẩm quyền quy định về các điều kiện, cách thức kiểm soát. Còn Cơ quan Dịch vụ Hải quan Canada (Canada Border Services Agency – CBSA) được trao quyền thực hiện việc kiểm soát thực tế với các loại hàng hóa thuộc diện bị kiểm soát chặt tại biên giới thay mặt cho các Cơ quan chuyên ngành.

BƯỚC 2: PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Xác định phân loại (HS) cho hàng hóa là một bước rất quan trọng để xác định thuế quan áp dụng đối với hàng hóa đó. Cần lưu ý là theo Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO), các nước sẽ áp đặt thống nhất đến 6 số đầu của một mã HS. Tuy nhiên việc áp đặt các số sau đó trong dãy số mã HS thuộc quyền quyết định riêng của mỗi nước, vì thế các số này có thể khác biệt giữa các nước. Trên thực tế, các nước thường có xu hướng quy định thêm 2 hoặc 4 số vào mã HS ngoài 06 số đầu chung (tạo thành mã HS 8 số, 10 số) phục vụ nhu cầu quản lý của riêng mình.

Việt Nam hiện áp dụng hệ thống HS chi tiết đến 8 số, còn Canada áp dụng hệ thống HS chi tiết đến 10 số. Khi hàng hóa Việt Nam (được phân loại tại Việt Nam đến HS 8 số) nhập khẩu vào Canada cần được xác định mã HS phù hợp theo hệ thống HS của Canada (đang áp dụng 10 số). Tham khảo hệ thống HS của Canada tại link: <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/trade-commerce/tariff-tarif/menu-eng.html>

Nếu hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi thuế quan theo CPTPP thì ngay từ đầu khi khai báo trên C/O ưu đãi CPTPP phải ghi mã HS 10 số xác định theo hệ thống HS của Canada. Theo quy định của CPTPP, nhà nhập khẩu Canada hoặc nhà xuất khẩu/nhà sản xuất Việt Nam có quyền gửi yêu cầu Hải quan Canada xác định trước mã HS của hàng hóa của mình (thủ tục Advance Rulings) trước khi nhập khẩu hàng vào nước này. Như vậy, để bảo đảm chắc chắn về tính chính xác của mã HS của hàng hóa, tránh tranh cãi giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý Canada khi hàng hóa đến cảng, doanh

nghiệp có thể gửi yêu cầu xác định trước mã hàng hóa qua email tới các văn phòng thương mại của CBSA (địa chỉ email có thể tìm tại đây: <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/sme-pme/cso-bsc-eng.html>)

BƯỚC 3: XÁC ĐỊNH CÁC LOẠI THUẾ PHÍ

Thuế quan

Sau khi xác định được phân loại hàng hóa theo hệ thống HS của Canada, nhà nhập khẩu có thể biết được mức thuế quan áp dụng cho hàng hóa đó.

Đối với hàng Việt Nam nhập khẩu vào Canada, có 3 lựa chọn về thuế quan, mỗi lựa chọn tương ứng với một mức thuế và các điều kiện hưởng mức thuế nhất định. Nhà nhập khẩu sẽ căn cứ vào điều kiện cụ thể của hàng hóa để chọn thuế quan phù hợp và có lợi nhất cho mình. Cụ thể:

- i Thuế MFN:** Đây là mức thuế Canada áp dụng đối với hàng hóa đến từ các nước thành viên WTO. Mức thuế này do Canada quyết định nhưng phải bảo đảm tuân thủ mức cam kết trong WTO và không có điều kiện nào kèm theo. Việt Nam là thành viên WTO, do đó hàng hóa của Việt Nam đương nhiên được hưởng mức thuế này mà không cần đáp ứng điều kiện gì.
- ii Thuế GPT:** Đây là mức thuế ưu đãi Canada đơn phương dành cho một số nước đang/kém phát triển (GPT là tên gọi riêng ở Canada, còn thông thường thì loại ưu đãi thuế này được gọi là GSP – Hệ thống thuế quan ưu đãi phổ cập). Mức thuế ưu đãi và các điều kiện hưởng ưu đãi (loại hàng hóa cụ thể, nước xuất khẩu cụ thể, quy tắc xuất xứ) do Canada quyết định. Việt Nam đã và đang thuộc diện được hưởng thuế GPT này đối với một số loại hàng hóa (dệt may, giày dép...) kể cả khi CPTPP đã có hiệu lực, tuy nhiên hàng hóa phải đáp ứng điều kiện về quy tắc xuất xứ GPT khá khắt khe.
- iii Thuế CPTPP:** Đây là mức thuế ưu đãi Canada dành cho hàng hóa từ các thành viên CPTPP (đã phê chuẩn CPTPP). Mức thuế ưu đãi do Canada quyết định nhưng không được thấp hơn mức đã cam kết trong CPTPP. Quy tắc xuất xứ để được hưởng mức thuế ưu đãi phải tuân thủ cam kết thống nhất trong CPTPP về quy tắc xuất xứ. Việt Nam và Canada đều là thành viên đã phê chuẩn CPTPP nên hàng hóa của Việt Nam sang Canada có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo Hiệp định nếu đáp ứng được quy tắc xuất xứ của Hiệp định.

Cần chú ý là không phải lúc nào thuế MFN cũng cao hơn thuế GPT hay thuế CPTPP. Có nhiều trường hợp thuế MFN, GPT hay CPTPP bằng nhau. Do đó, doanh nghiệp cần tra cứu cụ thể các mức thuế trước, và chỉ khi thuế MFN không có lợi bằng các mức thuế khác thì mới tra cứu về quy tắc xuất xứ để được hưởng ưu đãi.

Doanh nghiệp có thể tra cứu các mức thuế quan tại đường dẫn sau: <https://www.cbsa-asfc.gc.ca/trade-commerce/tariff-tarif/menu-eng.html>

Các loại thuế khác

Ngoài thuế quan, hàng hóa nhập khẩu vào Canada có thể bị áp các loại thuế khác như:

- **Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST):** Hầu hết hàng hóa sẽ phải chịu thuế GST 5% thanh toán tại thời điểm nhập khẩu. Tuy nhiên, cũng có một số ít hàng hóa không phải chịu thuế GST (ví dụ thuốc theo toa, thiết bị y tế và các dụng cụ hỗ trợ, đồ tạc hóa cơ bản, hàng đánh cá và nông nghiệp...)
- **Thuế tiêu thụ đặc biệt (excise tax):** Một số hàng hóa phải chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (ví dụ điều hòa không khí ô tô, một số phương tiện vận tải được thiết kế như phương tiện chở khách, một số nhiên liệu...)
- **Phí tiêu thụ đặc biệt (excise duty):** Một số hàng hóa phải chịu phí tiêu thụ đặc biệt (ví dụ thuốc lá, một số sản phẩm có cồn...)

Nhà nhập khẩu có thể kiểm tra các mức thuế áp dụng đối với hàng hóa của mình quy định tại Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (Excise Tax Act) của Canada hoặc liên hệ Cơ quan Doanh thu Canada (Canada Revenue Agency).

BƯỚC 4: VẬN CHUYỂN, KIỂM TRA VÀ GIẢI PHÓNG HÀNG

Tất cả hàng hóa thương mại vận chuyển từ Việt Nam sang Canada sẽ phải thông báo cho CBSA, Cơ quan có thẩm quyền về thủ tục giải phóng hàng của Canada.

Các giấy tờ cần nộp cho CBSA:

- 02 bản sao Giấy kiểm tra hàng hóa do nhà vận chuyển cung cấp;
- 02 bản sao Hóa đơn hải quan Canada (hoặc hóa đơn thương mại);
- 01 bản sao tất cả các giấy tờ khác (ví dụ Giấy phép nhập khẩu, Chứng chỉ, Giấy phép... nếu hàng hóa thuộc diện kiểm tra đặc thù; Chứng nhận xuất xứ nếu hàng hóa muốn hưởng ưu đãi thuế quan GPT hoặc CPTPP...).

Sau khi nộp đầy đủ các giấy tờ trên, hàng hóa sẽ được xem xét cho thông quan theo hai trường hợp sau:

Trường hợp 1 - Thông quan sau khi đã thanh toán các loại thuế phí

Trong trường hợp này, hàng hóa được giải phóng hàng sau khi đã hoàn tất thủ tục hải quan và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đóng thuế phí. Đây là hình thức thông quan chung, áp dụng cho tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Canada (trừ một số ít trường hợp thông quan theo trường hợp 2 như dưới đây).

Thời gian giải phóng hàng tại các cảng Canada có thể mất từ 20 phút đến một vài ngày tùy trường hợp.

Đối với hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra đặc thù (như hàng rau quả, thực phẩm...), các lô hàng sẽ được đặt trong kho ngoại quan và được kiểm tra bởi cán bộ hải quan trong vòng từ 12-48 giờ hoặc thậm chí lâu hơn tùy thuộc vào từng thời điểm.

Hàng hóa có thể không được thông quan và bị từ chối:

- *Từ chối tạm thời*: khi thông tin được khai báo online không khớp với giấy tờ nhập khẩu của lô hàng, hàng hóa sẽ được tạm giữ đến khi giải quyết được vấn đề này;
- *Từ chối vĩnh viễn*: một số trường hợp hàng hóa sẽ bị từ chối thông quan hoàn toàn (ví dụ khai sai nghiêm trọng về loại hàng hóa, định giá thấp hàng hóa nhằm giảm thuế phải nộp, vi phạm tiêu chuẩn an toàn thực phẩm...). Trong những trường hợp này, hàng hóa sẽ bị trả về nước xuất khẩu hoặc bị tiêu hủy bởi CBSA.

Trường hợp 2 - Thông quan trước khi thanh toán các loại thuế phí

Đây là hình thức thông quan ưu tiên, cho phép hàng hóa được thông quan ngay sau khi hoàn tất thủ tục hải quan (bao gồm cả kiểm tra đặc thù, nếu có) mà chưa thực hiện hoặc chưa hoàn tất nghĩa vụ nộp thuế phí. Hình thức thông quan này chỉ áp dụng đối với các trường hợp đã đăng ký trước và đã nộp một khoản tiền bảo đảm trước cho CBSA.

Thường thì chỉ các nhà nhập khẩu thường xuyên, khối lượng nhập khẩu lớn, mới đăng ký để thông quan theo hình thức này.

Tình hình xuất khẩu của Việt Nam sang Canada?

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU QUA CÁC NĂM

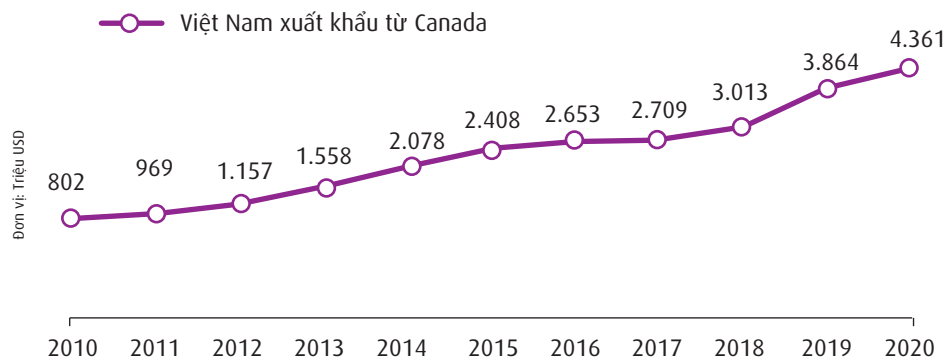
Xuất khẩu của Việt Nam sang Canada tăng liên tục trong giai đoạn 2010-2020. Năm 2019 – năm đầu tiên thực hiện CPTPP, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đạt gần 3,9 tỷ USD, tăng 28% so với 2018 (mức tăng trưởng này cao hơn mức trung bình 18% của giai đoạn 2010-2018 nhưng vẫn thấp hơn mức 32-35% các năm 2013, 2014).

Năm 2020, mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, xuất khẩu của Việt Nam sang Canada vẫn tăng trưởng ấn tượng 13% - cao gấp đôi so với tăng trưởng xuất khẩu chung của Việt Nam năm 2020 là 6,5% - và đạt gần 4,4 tỷ USD.

Tuy nhiên, xét trên bình diện chung, xuất khẩu sang Canada mới chỉ chiếm 1,48% trong tổng xuất khẩu đi thế giới của Việt Nam (năm 2019). Cũng như vậy, từ góc độ của Canada, mặc dù Việt Nam nằm trong top 10 nguồn nhập khẩu lớn nhất của nước này (năm 2019), hàng hóa từ Việt Nam mới chỉ chiếm 1,16 % thị phần nhập khẩu hàng hóa của nước này. Điều này là do nhập khẩu của Canada tập trung chủ yếu từ 3 nước Mỹ, Trung Quốc và Mexico (chiếm gần 70% tổng lượng nhập khẩu của Canada năm 2019). Mặc dù tỷ trọng thấp nhưng trong số các nước đang phát triển, Việt Nam là nước có lượng xuất khẩu hàng hóa sang Canada lớn nhất năm 2019.

HÌNH

Xuất khẩu của Việt Nam sang Canada giai đoạn 2010-2020



Nguồn: Trademap ITC, 2021

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHÍNH VÀ THỊ PHẦN

Các sản phẩm xuất khẩu chính của Việt Nam sang thị trường Canada năm 2019 là điện thoại và linh kiện, giày dép, quần áo, đồ nội thất, máy móc thiết bị cơ khí, đồ gỗ, thủy sản, đồ da, hoa quả, đồ chơi (chi tiết như trong Bảng bên dưới).

Mặc dù với 7/10 nhóm sản phẩm nói trên, Việt Nam đang nằm trong top 5 nước xuất khẩu lớn nhất sản phẩm đó vào thị trường Canada, thị phần thực chất của các sản phẩm Việt Nam vẫn còn tương đối nhỏ trong tổng nhập khẩu sản phẩm liên quan của Canada (ngoại trừ giày dép). Đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trong xuất khẩu các sản phẩm này vào Canada là Trung Quốc, Mỹ, Mexico, Campuchia, Đài Loan...

BẢNG

Top 10 mặt hàng Canada nhập khẩu nhiều nhất từ Việt Nam năm 2019

Mặt hàng NK chính của Canada từ VN	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng nhập khẩu mặt hàng đó của Canada từ thế giới	Top 5 nước Canada nhập khẩu nhiều nhất mặt hàng này
Chương 85: Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	1.497	3,4%	Trung Quốc, Mỹ, Mexico, Nhật Bản, Đài Loan
Chương 64: Giày dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên	544	21,8%	Trung Quốc, Việt Nam, Ý, Campuchia, Indonesia
Chương 61: Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	534	10,0%	Trung Quốc, Campuchia, Bangladesh, Việt Nam, Ấn Độ
Chương 62: Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	528	11,1%	Trung Quốc, Bangladesh, Việt Nam, Campuchia, Ý

Mặt hàng NK chính của Canada từ VN	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng trong tổng nhập khẩu mặt hàng đó của Canada từ thế giới	Top 5 nước Canada nhập khẩu nhiều nhất mặt hàng này
Chương 84: Máy móc, thiết bị cơ khí, lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi,; các bộ phận của chúng	370	0,5%	Mỹ, Trung Quốc, Mexico, Đức, Nhật
Chương 94: Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển để tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép	368	4,0%	Trung Quốc, Mỹ, Mexico, Việt Nam, Ý
Chương 03: Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	159	6,8%	Mỹ, Trung Quốc, Việt Nam, Chi-lê, Ấn Độ
Chương 42: Các sản phẩm bằng da thuộc; yên cương và bộ yên cương; các mặt hàng du lịch, túi xách và các loại đồ chứa tương tự; các sản phẩm làm từ ruột động vật (trừ tơ từ ruột con tằm)	149	8,3%	Trung Quốc, Ý, Việt Nam, Mỹ, Pháp
Chương 72: Sắt thép	111	1,8%	Mỹ, Mexico, Chi-lê, Guatemala, Costa Rica
Chương 95: Đồ chơi, thiết bị trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng	102	2,4%	Trung Quốc, Mỹ, Mexico, Đài Loan, Việt Nam

Nguồn: ITC TradeMap, 2021

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Các đối thủ cạnh tranh chính của hàng hóa Việt Nam tại Canada?

CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU LỚN NHẤT SANG CANADA

Trong nhiều năm qua, Mỹ vẫn luôn là nước xuất khẩu lớn nhất sang Canada, với kim ngạch chiếm khoảng một nửa tổng lượng nhập khẩu hàng hóa của Canada. Điều này cũng dễ hiểu bởi Mỹ là nước có chung đường biên giới lớn nhất với Canada (Canada chỉ chung đường biên giới với 3 nước). Quan trọng hơn, Mỹ và Canada là hai thành viên của Hiệp định Thương mại Bắc Mỹ - NAFTA (gồm Mỹ, Canada và Mexico) từ năm 1994. NAFTA thuộc nhóm FTA đầu tiên trên thế giới, và là chìa khóa cho việc tự do hóa thương mại, đặc biệt là việc loại bỏ thuế quan cho hàng hóa, giữa ba nền kinh tế khu vực Bắc Mỹ. NAFTA được ba nước đàm phán lại và ký kết Hiệp định mới có tên viết tắt là USMCA vào tháng 11/2018 và có hiệu lực thực thi với cả ba nước từ tháng 3/2020.

Sau Mỹ, Trung Quốc và Mexico là hai nước có lượng xuất khẩu lớn nhất sang Canada trong năm 2019, lần lượt chiếm 12,47% và 6,14%. Các nước khác cũng có lượng xuất khẩu đáng kể sang Canada là Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ý... Đáng lưu ý là các nước này ngoại trừ Mỹ và Mexico còn lại đều không thuộc khu vực Châu Mỹ và có vị trí địa lý xa Canada. Ngoài ra, tất cả các nước các nước này đã có FTA với Canada.

Trong số 10 nước xuất khẩu lớn nhất vào Canada năm 2019, Việt Nam là nước duy nhất ở khu vực Nam Á, đồng thời cũng là nước kém phát triển nhất. Hầu hết các đối thủ cạnh tranh lớn của Việt Nam ở thị trường này là các nước lớn và có năng lực cạnh tranh cao về hàng hóa.

BẢNG

Top 10 nước xuất khẩu lớn nhất sang Canada năm 2019

STT	Tên nước	Giá trị XK sang Canada (tỷ USD)	Tỷ trọng
1	Mỹ	229.739	50,7%
2	Trung Quốc	56.516	12,5%
3	Mexico	27.818	6,1%
4	Đức	14.488	3,2%
5	Nhật Bản	12.448	2,7%

STT	Tên nước	Giá trị XK sang Canada (tỷ USD)	Tỷ trọng
6	Hàn Quốc	7.250	1,6%
7	Ý	7.124	1,6%
8	Anh	6.927	1,5%
9	Pháp	6.547	1,4%
10	Việt Nam	5.265	1,2%

Nguồn: ITC TradeMap, 2021

CÁC ĐỐI TÁC ĐANG ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI THUẾ QUAN CỦA CANADA

Đối tác FTA

Hiện tại ngoài CPTPP, Canada có 13 FTA khác đã có hiệu lực. Tính tổng cộng Canada hiện có 49 đối tác FTA, nhưng tập trung chủ yếu ở khu vực Châu Mỹ. Ngoài Malaysia, Brunei, Singapore, Việt Nam và Hàn Quốc, Canada chưa có FTA với đối tác châu Á nào khác. Và trong số 05 nước này, ngoại trừ Hàn Quốc (có FTA song phương đã có hiệu lực với Canada), hiện mới chỉ có Singapore và Việt Nam đang được hưởng ưu đãi thuế quan FTA khi xuất khẩu vào Canada (do đã phê chuẩn CPTPP).

Đối tác GPT

GPT là cơ chế ưu đãi thuế quan đặc biệt mà Canada đơn phương dành cho một số nước đang và kém phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, hầu hết các mức thuế ưu đãi GPT đều cao hơn với mức thuế ưu đãi trong các FTA của Canada, bao gồm CPTPP. Đồng thời, yêu cầu về xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan theo GPT cũng chặt chẽ và khó đáp ứng hơn.

Như vậy, Việt Nam chỉ là một trong rất nhiều nước khi xuất khẩu sang Canada được hưởng ưu đãi thuế quan theo FTA hoặc GPT. Tuy nhiên, Việt Nam có lợi thế so với các nước ASEAN và Trung Quốc ở thị trường này nhờ CPTPP. Với các đối tác FTA khác của Canada ở châu Mỹ, Việt Nam có nhiều sản phẩm có thế mạnh, sản phẩm đặc trưng của khu vực nhiệt đới mà các đối thủ cạnh tranh khác không có. Do đó, ở các phân khúc thị trường nhỏ, thị trường ngách, hàng Việt Nam được đánh giá là có thế mạnh đáng kể khi xuất khẩu sang thị trường này.

BẢNG

Các FTA đã có hiệu lực của Canada

STT	FTA	Đối tác
1	CPTPP	Australia, Brunei, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore, Việt Nam
2	FTA Canada – Chile	Chile
3	FTA Canada - Colombia	Colombia
4	FTA Canada - EFTA	Khối EFTA (Iceland, Liechtenstein, Norway, Switzerland)
5	Hiệp định Thương mại và Kinh tế Toàn diện Canada - EU	28 nước EU
6	FTA Canada - Honduras	Hondarus
7	FTA Canada - Israel	Israel
8	FTA Canada - Jordan	Jordan
9	FTA Canada – Hàn Quốc	Hàn Quốc
10	Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA)	Mỹ, Mexico
11	FTA Canada – Panama	Panama
12	FTA Canada – Peru	Peru
13	FTA Canada - Ukraina	Ukraina
14	FTA Canada – Mỹ	Mỹ

Nguồn: Tổng hợp

BẢNG

Top 10 đối thủ cạnh tranh của Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan GPT của Canada

STT	Nước được hưởng GPT	Kim ngạch xuất khẩu sang Canada năm 2019 (triệu USD)
1	Afghanistan	4
2	Campuchia	1.285
3	Côte d'Ivoire	412
4	Banglades	1.484
5	Guatemala	501
6	Guyana	381
7	Honduras	349
8	Philippines	1.225
9	Morocco	349
10	Việt Nam	3.864

Nguồn: Tổng hợp

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Thuận lợi của hàng Việt Nam tại thị trường Canada?

- Người châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng sang định cư tại Canada ngày càng nhiều. Theo số liệu của Cơ quan Thống kê Canada năm 2016, Canada có khoảng 3,6 triệu người gốc nhập cư gốc Châu Á, trong đó có gần 2 triệu người gốc Nam Á và Đông Nam Á. Số người Việt nhập cư vào Canada là khoảng 170.000 người. Lượng người tiêu dùng này sử dụng nhiều các sản phẩm châu Á trong đó có sản phẩm Việt Nam;
- Canada có chính sách khá mở về hàng nông sản nhiệt đới với thuế quan áp dụng không cao;
- Người tiêu dùng Canada không quá bảo thủ, họ sẵn sàng thử sử dụng sản phẩm mới nếu giá cả cạnh tranh;
- Việt Nam có nhiều sản phẩm có thể mạnh mà người tiêu dùng Canada có nhu cầu cao hoặc đang gia tăng nhu cầu như điện thoại, đồ gỗ, may mặc, giày dép, trà, cà phê, rau quả nhiệt đới;
- Nhiều sản phẩm của Việt Nam đã chinh phục được các thị trường khó tính như EU, Mỹ, Nhật Bản nên cũng có thể đáp ứng được các yêu cầu cao của thị trường Canada;
- Việt Nam là một trong số rất ít các nước châu Á đã có FTA với Canada, do đó hàng hóa Việt Nam có lợi thế về thuế quan hơn các đối thủ cạnh tranh từ nhiều nước khác (Trung Quốc, các nước ASEAN...).

Trong bối cảnh COVID-19, khi người tiêu dùng có nhu cầu cao hơn với các sản phẩm thiết yếu, có thể sử dụng và lưu trữ trong thời gian dài hơn, nhiều loại nông sản của Việt Nam có thể có thêm lợi thế.

Ngoài ra, dưới ảnh hưởng của dịch bệnh, hoạt động kinh tế bị giới hạn, thu nhập của người tiêu dùng Canada có thể bị ảnh hưởng ít nhiều. Vì vậy, giá cả hàng hóa có thể là một yếu tố được quan tâm nhiều hơn trong lựa chọn của người tiêu dùng. Với CPTPP, hàng hóa Việt Nam sẽ có thêm lợi thế ở góc độ này so với nhiều đối thủ cạnh tranh khác chưa có FTA với thị trường này.

LỢI THẾ CỦA MỘT SỐ SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM TẠI THỊ TRƯỜNG CANADA

Hàng nông sản

Lượng người tiêu dùng gốc châu Á ở Canada khá đông và gia tăng mạnh trong những năm gần đây. Nhu cầu đối với thực phẩm châu Á vì thế cũng gia tăng, đặc biệt là các thực phẩm chế biến như bún, miến, phở, bánh đa nem, các loại bột làm bánh, gia vị, rau quả nhiệt đới.... Canada có chính sách khá mở đối với hàng nông sản nhiệt đới (thuế quan thấp và không nhiều hàng rào kỹ thuật).

Thủy sản

Gần 90% dân số Canada ăn thủy sản, và lý do chính là vì tốt cho sức khoẻ. Cá hồi và tôm là hai sản phẩm hải sản tiêu thụ nhiều nhất ở Canada, và cũng nằm trong nhóm sản phẩm thủy sản nhập khẩu nhiều nhất của nước này. Trong khi đó, Việt Nam có thế mạnh sản xuất thủy sản với nhiều mặt hàng đa dạng. Hiện tại tôm đông lạnh và cá basa là hai mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu nhiều nhất sang Canada. Tuy nhiên, trong tương lai Việt Nam có thể khai thác hơn nữa thị trường này với các sản phẩm thủy sản chế biến có chất lượng cao của Việt Nam như cá ngừ, mực, bạch tuộc...

May mặc

Hiện tại các sản phẩm may mặc của Việt Nam xuất khẩu sang Canada đang chiếm hơn 10% tổng nhập khẩu các sản phẩm này của Canada. May mặc là sản phẩm xuất khẩu thế mạnh của Việt Nam nên mặc dù Canada áp dụng các mức thuế quan khá cao thì các sản phẩm may mặc của Việt Nam vẫn xuất khẩu tăng đều sang thị trường này trong những năm qua. Trong những năm tới, khi CPTPP giúp xóa bỏ dần thuế quan đối với các sản phẩm này thì cơ hội đối với các sản phẩm may mặc của Việt Nam sẽ càng tăng cao.

Đồ gỗ nội thất

Tại thị trường Canada, đồ gỗ nội thất của Việt Nam có lợi thế về giá và chất lượng nhưng hiện mới chiếm gần 4% thị phần nhập khẩu của Canada. Canada và Việt Nam có nhiều tiềm năng hợp tác trong lĩnh vực này. Canada có nguồn nguyên liệu gỗ và là một trong những nước xuất khẩu gỗ nguyên liệu lớn trên thế giới trong khi Việt Nam có nhu cầu cao nhập khẩu gỗ nguyên liệu để chế biến xuất khẩu. Theo chiều ngược lại, đồ gỗ nội thất là một trong 10 nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất của Canada và cũng là một trong những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Khó khăn của hàng Việt Nam tại thị trường Canada?

- Yêu cầu về mẫu mã, chất lượng sản phẩm nhập khẩu của người tiêu dùng Canada tương tự EU, Mỹ, Nhật..., cao hơn so với người tiêu dùng ở nhiều nước xuất khẩu truyền thống của Việt Nam như Trung Quốc, ASEAN và một số nước châu Á khác;
- Hệ thống pháp luật về thương mại của Canada khá phức tạp, bao gồm luật liên bang và nội bang. Hàng hóa nhập khẩu vào Canada phải tuân thủ đồng thời cả 2 loại luật này. Trong khi trình độ hiểu biết của doanh nghiệp Việt Nam về pháp luật có hạn, hai hệ thống luật trên của Canada lại nhiều khi mâu thuẫn nhau, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc đáp ứng;
- Các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, về tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy định nhập khẩu khác của Canada cũng cao hơn và khó đáp ứng hơn nhiều thị trường khác của Việt Nam;
- Canada có khoảng cách địa lý xa Việt Nam nên chi phí vận chuyển và bảo quản hàng hóa xuất khẩu sang thị trường này cao dẫn đến giá thành sản phẩm bị tăng lên và khó cạnh tranh với hàng hóa từ những nước có vị trí địa lý gần Canada;
- Mức độ cạnh tranh hiện tại ở thị trường Canada là tương đối cao, đặc biệt là đối thủ Trung Quốc có nhiều sản phẩm xuất khẩu tương tự Việt Nam.

MỨC ĐỘ SỬ DỤNG CÁC RÀO CẢN PHI THUẾ QUAN CỦA CANADA

Canada là một trong các nước sử dụng phổ biến nhất các biện pháp phi thuế quan (NTM) trên thế giới. Theo một điều tra năm 2015 của Ngân hàng Thế giới thì Canada có tỷ lệ tần suất sử dụng các biện pháp NTM (tỷ lệ phần trăm các sản phẩm nhập khẩu mà bị áp dụng ít nhất một biện pháp NTM) là 95,54%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ trung bình 43,04% của 75 nước được điều tra, cao hơn so với EU (93,88%), Mỹ (61,52%), Úc (61,80%), Nhật Bản (61,20%).

Các biện pháp NTM mà Canada sử dụng nhiều nhất là: thuế tiêu dùng, yêu cầu kiểm tra sản phẩm, yêu cầu đăng ký sản phẩm, yêu cầu về chất lượng và hoạt động của sản phẩm, yêu cầu về chứng nhận sản phẩm, yêu cầu ủy quyền vì lý do kỹ thuật, yêu cầu truy xuất nguồn gốc.

Các mặt hàng chịu nhiều biện pháp NTM của Canada nhất là: hóa chất, kim loại, động vật, rau, thực phẩm, dệt may, sản phẩm nhựa, đồ da, đồ gỗ.

Trong bối cảnh COVID-19, cũng như nhiều thị trường khác, Canada có thể gia tăng các yêu cầu về kiểm tra kiểm soát đối với hàng hóa, phương tiện vận tải tùy theo từng thời điểm. Hơn thế nữa, dưới áp lực của tình trạng mất cân đối cung cầu trong vận tải thời dịch bệnh, vấn đề thiếu hụt container rỗng cũng như cước phí vận tải tăng cao cũng đặt sức ép nặng nề lên việc xuất khẩu hàng đi Canada. Những vấn đề phát sinh này đều sẽ khiến cho chi phí xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Canada tăng thêm hoặc biến động bất thường.

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Cơ hội từ CPTPP cho xuất khẩu của Việt Nam ở thị trường Canada?

CƠ HỘI TỪ CẮT GIẢM THUẾ QUAN VÀ CÁC RÀO CẢN PHI THUẾ

Canada là thị trường tiêu dùng với sức mua lớn thứ hai trong CPTPP. Trong khi đó trước CPTPP, thị trường này chưa có bất kỳ FTA nào với Việt Nam. Do đó, đây được coi là một trong những thị trường có tiềm năng tăng trưởng nhất của xuất khẩu Việt Nam trong CPTPP.

Các cam kết cắt giảm thuế quan của Canada đối với hàng hóa của Việt Nam trong CPTPP là rất đáng kể. Nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được xóa bỏ thuế ngay sau khi Hiệp định có hiệu lực hoặc theo lộ trình ngắn.

Canada cũng phải thực hiện những cam kết chung của CPTPP liên quan đến cắt giảm các rào cản phi thuế quan cho hàng hóa từ các nước thành viên CPTPP trong đó có Việt Nam như các cam kết về hải quan, về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật, về rào cản kỹ thuật đối với thương mại, phòng vệ thương mại...

Việc Canada thực hiện các cam kết trên được kỳ vọng sẽ giúp thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này.

Hơn thế nữa, cơ cấu sản phẩm hàng hóa của Việt Nam và Canada tương đối bổ sung cho nhau. Trong top 10 nhóm sản phẩm nhập khẩu lớn nhất của Canada năm 2019 có 5 nhóm sản phẩm là thế mạnh xuất khẩu của Việt Nam. Hiện tại, dư địa thị trường Canada cho hàng hóa của Việt Nam còn khá lớn. Do vậy, CPTPP được kỳ vọng sẽ giúp cho hàng hóa của Việt Nam tăng mạnh xuất khẩu sang thị trường Canada trong thời gian tới.

BẢNG

So sánh Cơ cấu Nhập khẩu của Canada và Cơ cấu Xuất khẩu của Việt Nam năm 2019

Các SP nhập khẩu chính của Canada	Giá trị nhập khẩu từ thế giới năm 2019 (triệu USD)	Các SP xuất khẩu chính của Việt Nam	Giá trị xuất khẩu ra thế giới năm 2019 (triệu USD)
Chương 85: Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	44.165	Chương 85: Máy điện và thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, bộ phận và phụ kiện của các loại máy trên	97.158
Chương 84: Máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	69.214	Chương 84: Máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng	13.093
Chương 94: Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển để tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép	9.177	Chương 94: Đồ nội thất; bộ đồ giường, đệm, khung đệm, nệm và các đồ dùng nội tương tự; đèn và bộ đèn, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác; biển hiệu được chiếu sáng, biển để tên được chiếu sáng và các loại tương tự; nhà lắp ghép	9.488
Chương 90: Dụng cụ, thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng	12.642	Chương 90: Dụng cụ, thiết bị quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật; các bộ phận và phụ kiện của chúng	5.276

PHẦN THỨ NHẤT

PHẦN THỨ HAI

PHẦN THỨ BA

Các SP nhập khẩu chính của Canada	Giá trị nhập khẩu từ thế giới năm 2019 (triệu USD)	Các SP xuất khẩu chính của Việt Nam	Giá trị xuất khẩu ra thế giới năm 2019 (triệu USD)
Chương 39: Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa	16.359	Chương 39: Nhựa và các sản phẩm bằng nhựa	4.842
Chương 87: Xe cộ trừ phương tiện chạy trên đường xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng,	74.437	Chương 64: Giày, dép, ghệt và các sản phẩm tương tự; các bộ phận của các sản phẩm trên	18.990
Chương 27: Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bitum; các loại sáp khoáng chất	33.231	Chương 62: Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	15.153
Chương 30: Dược phẩm	13.857	Chương 61: Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	14.885
Chương 73: Các sản phẩm bằng sắt hoặc thép	10.325	Chương 03: Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	6.205
Chương 71: Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại	10.330	Chương 08: Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc họ cam quýt hoặc các loại dưa	5.713

Nguồn: ITC TradeMap, 2021

CƠ HỘI TỪ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH ĐƯỢC CẢI THIỆN

CPTPP cùng với các cam kết về quy tắc, thể chế, minh bạch hóa, chống tham nhũng, đặc biệt là trong các thủ tục xuất nhập khẩu và môi trường kinh doanh sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam nói chung, qua đó giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam nói chung và doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng hóa sang Canada nói riêng.

CƠ HỘI CẮT GIẢM CHI PHÍ SẢN XUẤT, CẢI THIỆN NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Trong CPTPP, Việt Nam cũng cam kết xóa bỏ thuế quan cho các nước thành viên khác đối với rất nhiều hàng hóa nguyên liệu và máy móc là đầu vào sản xuất, trong đó có nhiều sản phẩm từ Canada. Do đó, đối với các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu sử dụng nhiều nguyên liệu, máy móc ngoại nhập sẽ có cơ hội mua đầu vào với giá cả tốt hơn và thêm nhiều lựa chọn thị trường nhập khẩu hơn.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đưa ra khá nhiều các cam kết trong các lĩnh vực dịch vụ, thể chế có thể giúp các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu tiết kiệm chi phí sản xuất, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh, ví dụ:

- Các cam kết mở cửa các thị trường dịch vụ phục vụ sản xuất như tài chính (bảo hiểm, ngân hàng, chứng khoán), viễn thông, logistics... ở mức cao hơn WTO sẽ giúp cạnh tranh trong các lĩnh vực này tốt hơn, qua đó tạo điều kiện để doanh nghiệp sản xuất tiếp cận các dịch vụ này với chất lượng tốt hơn, chi phí hợp lý hơn, từ đó giảm chi phí dịch vụ trong giá thành sản phẩm;
- Các cam kết thúc đẩy môi trường cạnh tranh, các phương thức thương mại hiện đại, hỗ trợ doanh nghiệp (cạnh tranh, thương mại điện tử, doanh nghiệp nhỏ và vừa...) là điều kiện cho doanh nghiệp sản xuất, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, cải thiện cải thiện năng lực cạnh tranh, tiếp cận tốt hơn với khách hàng.

Làm thế nào để tận dụng CPTPP tăng cường xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Canada?

GIẢI PHÁP TẬN DỤNG CƠ HỘI TỪ CÁC CAM KẾT CỤ THỂ CỦA CPTPP

CPTPP có nhiều cam kết của Canada có lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Do đó, doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ các nội dung liên quan của CPTPP để có thể tận dụng được tối đa các lợi ích của Hiệp định:

- *Tìm hiểu cam kết thuế quan* của Canada trong Phụ lục 2-D thuộc Chương 2 – Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa của Hiệp định. Cần lưu ý là các cam kết trong CPTPP là cam kết tối thiểu của Canada. Trên thực tế, Canada có thể cắt giảm thuế quan cao hơn cam kết tùy nhu cầu trong nước. Do đó, để biết chính xác nhất mức thuế quan của Canada áp dụng đối với từng mặt hàng Việt Nam thì doanh nghiệp cần kiểm tra biểu thuế quan ưu đãi theo CPTPP của Canada áp dụng cho từng năm cụ thể.
- *Tìm hiểu các quy tắc và thủ tục chứng nhận xuất xứ* để được hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP trong Chương 3 – Quy tắc xuất xứ và các thủ tục chứng nhận xuất xứ của Hiệp định. Các cam kết này sẽ là cơ sở để doanh nghiệp điều chỉnh chuỗi cung ứng và sản xuất nhằm đáp ứng các QTXX để hưởng ưu đãi thuế quan CPTPP.
- *Tìm hiểu các vấn đề liên quan khác* như Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại (Chương 5), Phòng vệ thương mại (Chương 6) ... để tận dụng các quyền và bảo vệ lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp trong quan hệ với các cơ quan Nhà nước liên quan ở các thị trường CPTPP; hoặc các vấn đề về Lao động (Chương 19), Môi trường (Chương 20) ... để có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với định hướng chung.

GIẢI PHÁP VỀ KỸ THUẬT VÀ THỊ TRƯỜNG

Để xuất khẩu vào thị trường Canada, ngoài thuế quan, các sản phẩm của Việt Nam phải đối mặt với các vấn đề khác mà CPTPP hầu như không can thiệp hay làm thay đổi, đặc biệt là:

- Các yêu cầu về nhập khẩu của Canada như các quy định về định mức dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, các quy định về dán nhãn, ghi nhãn hàng hóa, bảo vệ môi trường...;
- Yêu cầu, tập quán và các kênh nhập khẩu của Canada;
- Nhu cầu và thị hiếu người tiêu dùng Canada.

Vì vậy, để thực sự tiếp cận được thị trường này, doanh nghiệp Việt Nam cần:

- Tìm hiểu chi tiết và cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật nội địa của Canada và bảo đảm tuân thủ đầy đủ, bao gồm cả luật liên bang và luật nội bang của Canada;
- Nghiên cứu kỹ thị trường Canada, đặc biệt là các thị trường ngách, tìm hiểu kỹ thị hiếu và nhu cầu của người tiêu dùng;
- Tìm hiểu các cơ chế, cách thức tiếp cận các kênh/nhà phân phối hàng hóa ở Canada, đặc biệt là các kênh thương mại điện tử đang ngày càng phổ biến và trở thành xu hướng mua sắm chủ đạo của người tiêu dùng Canada;
- Nghiên cứu, cải thiện chất lượng, mẫu mã sản phẩm để phù hợp với thị trường, xây dựng và quảng bá thương hiệu cho sản phẩm Việt Nam.

GIẢI PHÁP CHUNG VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

Tăng cường năng lực cạnh tranh là giải pháp bền vững để các sản phẩm của Việt Nam có thể phát triển ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Để làm được việc này, các doanh nghiệp cần đặc biệt chú ý một số giải pháp sau:

- Nghiên cứu nâng cao chất lượng, mẫu mã, thương hiệu...của sản phẩm;
- Đầu tư cho cải tiến kỹ thuật, tăng hàm lượng công nghệ trong sản xuất và chế biến sản phẩm (thông qua liên doanh, liên kết với các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài; nâng cấp, mua lại các quy trình và công nghệ sản xuất hiện đại...).

THÔNG TIN HỮU ÍCH

Có thể tìm kiếm các thông tin, dữ liệu về thị trường Canada và Việt Nam ở đâu?

Doanh nghiệp có thể tự tra cứu thông tin thị trường Canada thông qua các công cụ sẵn có và miễn phí sau:

Công cụ TradeMap - Bản đồ Thương mại của ITC

www.trademap.org

Tra cứu số liệu thương mại của từng quốc gia, qua đó có thể xác định được các sản phẩm xuất/nhập khẩu chủ yếu, các đối thủ cạnh tranh, diễn tiến xuất nhập khẩu theo thời gian...

Trade Map cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu và thuế quan của từng sản phẩm của từng quốc gia với từng đối tác. Thông qua TradeMap, người dùng có thể tìm hiểu được thể mạnh xuất khẩu/nhu cầu nhập khẩu của từng đối tác thương mại và các đối thủ cạnh tranh hiện tại. TradeMap cung cấp số liệu theo từng năm, theo từng mã HS ở cấp 2, 4, hoặc 6 số, theo giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm.... Người dùng có thể trích xuất thông tin dưới dạng bảng, biểu đồ hoặc bản đồ và lọc các dữ liệu cần trích xuất theo hàng hóa, quốc gia, nhóm sản phẩm hoặc nhóm quốc gia...

Trade Map là công cụ miễn phí và rất hữu hiệu đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi muốn tìm hiểu một thị trường xuất khẩu/nhập khẩu tiềm năng, đánh giá các đối thủ cạnh tranh hiện tại, để từ đó xây dựng các chiến lược xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp mình.

Công cụ MacMap - Bản đồ Tiếp cận thị trường của ITC

www.macmap.org

Tra cứu các rào cản thuế quan và phi thuế quan áp dụng đối với một hàng hóa cụ thể xuất khẩu từ một thị trường cụ thể sang một thị trường khác.

Cụ thể, về thuế quan, MACMap cung cấp cả mức thuế Tối huệ quốc (MFN) của WTO và thuế ưu đãi đơn phương (như GSP của EU) và thuế ưu đãi theo các thỏa thuận song phương và đa phương (như thuế theo các Hiệp định Thương mại Tự do – FTA). Về các rào cản phi thuế quan, MACMap bao gồm các quy định về hạn ngạch nhập khẩu, các biện pháp phòng vệ thương mại, và các yêu cầu về chứng nhận, và các rào cản phi thuế khác.

Công cụ Tariff Analysis Online (TAO) – Phân tích thuế quan trực tuyến của WTO

www.tao.wto.org

Tra cứu các mức thuế quan (MFN, GSP, FTA...) mà một nước áp dụng đối với một sản phẩm cụ thể. TAO cung cấp thông tin về thuế quan chi tiết đến từng dòng thuế theo hệ thống HS của từng nước và cả các thông tin về thuế quan trung bình theo nhóm sản phẩm.

Công cụ World Development Indicators (WDI) của Ngân hàng Thế giới

WDI bao gồm hơn 1,400 chỉ số phát triển (GDP, dân số, lao động, lạm phát, tỷ giá....) về 217 nền kinh tế và hơn 40 nhóm nước trong khoảng thời gian lên tới hơn 50 năm. Đây là một nguồn thông tin khổng lồ hữu ích cho các doanh nghiệp khi cần tìm hiểu thông tin tổng quan về tình hình kinh tế, dân số, lạm phát, thất nghiệp, thương mại, đầu tư... của từng nước trên thế giới hoặc so sánh giữa các nước với nhau.

Doanh nghiệp có thể tìm kiếm hỗ trợ về CPTPP và thị trường Canada, Việt Nam ở các địa chỉ nào?

CÁC ĐẦU MỐI THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG CANADA

Vụ Thị trường Châu Âu - Châu Mỹ, Bộ Công Thương

Địa chỉ: Số 54 Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 2220 5364

Email: hoanbt@moit.gov.vn

Cục Xuất Nhập khẩu, Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 024 2220 5431

Fax: 024 2220 5520

Thương vụ Việt Nam tại Canada

Địa chỉ: 161 Sherwood Drive, Ottawa, Ontario, K1Y 3V5, Canada

Điện thoại: (613)715-968340

Email: ca@moit.gov.vn; dungmex@yahoo.com

Hội đồng Thương mại Canada – Việt Nam

Địa chỉ: 2 Bloor Street West, Suite 700, Toronto, Ontario M4W 3E2 Canada

Điện thoại: (416) 305-8384

E-mail: info@canada-vietnamtrade.org

Website: www.canada-vietnamtrade.org

Tổ chức Xúc tiến Thương mại Canada - TFO Canada

(Hỗ trợ xuất khẩu của các nước đang phát triển sang Canada)

Địa chỉ: 130 Slater Street, Suite 400, Ottawa, Ontario, CANADA K1P 6E2

Điện thoại: 1.613.233.3925

Website: www.tfocanada.ca

Đại sứ quán Canada tại Việt Nam

Địa chỉ: Số 31 Hùng Vương, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : +84 (24) 3734 5000

Email : hanoitd@international.gc.ca

Tổng lãnh sự quán Canada tại TP.HCM

Địa chỉ: Phòng 1002, Tòa Metropolitan, 235 Đồng Khởi, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (011-84-28) 3827-9899

Fax: (011-84-28) 3827-9935

Email: hochi.trade-commerce@international.gc.ca

Hiệp hội Doanh nghiệp Canada tại Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 2 The Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (+84) 287 304 5656

Email: info@canchamvietnam.org

Web: www.canchamvietnam.org

CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NGÀNH HÀNG VIỆT NAM

Hiệp hội Dệt may Việt Nam:

www.vietnamtextile.org.vn

Hiệp hội Da giày Việt Nam:

www.lefaso.org.vn

Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam:

www.vasep.com.vn

Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam:

www.vietfores.org

Hiệp hội Rau quả Việt Nam:

www.vinafruit.com.vn

Hiệp hội Doanh nghiệp Điện tử Việt Nam:

www.lefaso.org.vn

Hiệp hội Doanh nghiệp Cơ khí Việt Nam:

www.vami.com.vn

Hiệp hội Nhựa Việt Nam:

www.vpas.vn

CÁC HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NGÀNH HÀNG CANADA

Hiệp hội Đại diện Bán buôn Canada (CAWS):

www.caaws.ca

Hiệp hội Tiếp thị Sản phẩm Canada (CPMA):

www.cpma.ca

Hiệp hội Thực phẩm Sức khỏe Canada (CHFA):

www.chfa.ca

Hiệp hội Gia vị Canada (CSA):

www.canadianspiceassociation.com

Hiệp hội Cà phê Canada (CAC):

www.coffeeassoc.com

Hiệp hội Trà và Thảo dược Canada (TAC):

www.tea.ca

Hiệp hội Đồ uống Canada (CBA):

www.canadianbeverage.ca

Hiệp hội Quà tặng Canada (CanGift):

www.cangift.ca

Liên minh Nội thất Gia đình Canada:

www.chfaweb.ca

Liên đoàn May mặc Canada (CAF):

www.apparel.ca

Hiệp hội Công nghiệp Nhựa Canada (CPIA):

www.plastic.ca

Hiệp hội bao bì Canada (PAC):

www.pac.ca

Sổ tay doanh nghiệp
Tận dụng CPTPP để xuất nhập khẩu hàng hóa giữa
Việt Nam và Canada

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc - Tổng Biên tập
Nguyễn Minh Huệ

Biên tập: Nguyễn Thị Thanh Thảo

Trình bày bìa:
thaidung85@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

In 300 cuốn, khổ 16x23 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia
Địa chỉ: Số 43 ngõ 406 đường Âu Cơ, Phường Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 582-2021/CXBIPH/09-24/CT
Số Quyết định xuất bản: 87/QĐ – NXBCT ngày 18 tháng 03 năm 2021
In xong và nộp lưu chiểu: Quý I năm 2021
Mã số ISBN: 978-604-311-506-2



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh – Hà Nội
Điện thoại: +84-24-35771458, Fax: +84-24-35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn, Website: www.trungtamwto.vn

Trung tâm WTO và hội nhập là đơn vị trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), được thành lập nhằm hỗ trợ về pháp lý cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trung tâm là đầu mối vận động chính sách, cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và lợi ích, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ WTO, các hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và các Hiệp định thương mại quốc tế khác.